

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THẾ HÙNG

**HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ,
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội , năm 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THẾ HÙNG

**HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN
ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ, TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. Võ Khánh Vinh

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài nghiên cứu: *“Hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự, từ thực tiễn thành phố Hà Nội”* là kết quả nỗ lực cố gắng của bản thân tôi cùng với sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn khoa học GS.TS. Võ Khánh Vinh

Tôi xin cam đoan những lời trên đây là hoàn toàn đúng sự thật và tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Hà Nội, tháng năm 201

Học viên

Phạm Thế Hùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ	6
1.1. Khái niệm hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	6
1.2. Đặc điểm của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	8
1.3. Mục đích của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	10
1.4. Ý nghĩa của của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	11
1.5. Nội dung của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.....	11
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	16
2.1. Khái quát một số nét về thành phố Hà Nội và hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.....	16
2.2. Thực trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư trong các giai đoạn tố tụng hình sự tại địa bàn thành phố Hà Nội	21
2.3. Những hạn chế, vướng mắc trong việc đảm bảo vai trò, chức năng hoạt động của Luật sư trong hoạt động tố tụng tại thành phố Hà Nội	40
2.4. Nguyên nhân về những hạn chế, vướng mắc trong việc thể hiện vị trí, vai trò hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự ở thành phố Hà Nội	41
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	45
3.1. Hoàn thiện các qui định của pháp luật về sự tham gia của luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự	45
3.2. Hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và nâng cao năng lực các Luật sư thành viên.....	48
3.3. Các giải pháp liên quan đến cơ quan Điều tra hình sự và các cán bộ, Điều tra viên làm công tác điều tra hình sự	52
3.4. Các giải pháp khác.....	54
KẾT LUẬN	59
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	61

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCT	Bộ Chính trị
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CHXHHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CQĐT	Cơ quan điều tra
CCHN	Chứng chỉ hành nghề
CNNBC	Chứng nhận người bào chữa
ĐTV	Điều tra viên
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân
KSV	Kiểm sát viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
TTHS	Tố tụng hình sự
THTT	Tiến hành tố tụng
TAND	Tòa án nhân dân
TP	Thẩm phán
HTND	Hội thẩm nhân dân
VAHS	Vụ án hình sự
UBNDTP	Ủy ban nhân dân thành phố
TTTGPLNN	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình xây dựng và phát triển của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.2 Thống kê số lượng vụ án hình sự Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.3 Thống kê tình hình tội phạm trong giai đoạn khởi tố VAHS trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.4 Thống kê, phân tích các vụ án có Luật sư tham gia ở giai đoạn khởi tố VAHS trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.5 Thống kê, phân tích tình hình tội phạm trong giai đoạn Điều tra VAHS (Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.6 Thống kê, phân tích các vụ án có Luật sư tham gia ở giai đoạn Điều tra VAHS(Từ 2011 – 2015)

Bảng 2.7 Hoạt động của Luật sư – Đoàn Luật sư TP Hà Nội với vai trò là “CTV” của Trung tâm TGPL Nhà nước, tham gia trợ giúp pháp lý – Bào chữa trong các VAHS (Từ 2011 đến 2015)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau hơn 10 năm triển khai thi hành – Bộ luật Tố tụng Hình sự (TTHS) năm 2003 đã khẳng định vai trò quan trọng và hiệu quả trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần giữ vững An ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế; xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

Mặc dù vậy, Bộ luật TTHS năm 2003 trong quá trình thực hiện, đã bộc lộ những hạn chế, bất cập; không còn phù hợp khi tình hình kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi ở nước ta. Do đó, ngày 27/11/2015 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Bộ luật TTHS năm 2015 và qui định có hiệu lực từ 01/07/2016. Sự thay đổi và điều chỉnh của Bộ luật TTHS cho phù hợp với thời kỳ hội nhập và đổi mới trên cơ sở thực tiễn, kế thừa và có sự tham khảo Luật của các quốc gia tương đồng trong khu vực và trên thế giới là điều cần thiết và hợp lý.

Là một ngành Luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Luật TTHS cũng có những nguyên tắc chung của hệ thống pháp luật. Trong các nguyên tắc ấy, có nguyên tắc: Đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Việc ghi nhận quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong Luật TTHS là hoàn toàn đúng đắn – nhất là trong thời kỳ nền kinh tế, xã hội đất nước ta đang chuyển đổi và hội nhập như hiện nay.

Trong việc thực hiện quyền bào chữa, việc qui định Luật sư tham gia bào chữa trong vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra, đóng một vai trò hết sức cần thiết và quan trọng; thông qua hoạt động của Luật sư, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo được bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định của pháp luật. Trong số những người tham gia TTHS được qui định tại Chương IV – Bộ luật TTHS năm 2003, thì Luật sư là người có một vị trí, vai trò và chức năng đặc biệt.

Sự tham gia của Luật sư trong TTHS không chỉ giúp bị can, bị cáo bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mà còn góp phần trong việc làm rõ sự thật khách

quan của vụ án; điều đó giúp cho việc điều tra, truy tố và xét xử được nhanh chóng, chính xác, tránh làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm.

Tuy nhiên, trên thực tế trong quá trình tham gia tiến hành tố tụng – Vị trí, vai trò và chức năng của Luật sư có được phát huy và được thực thi một cách đầy đủ, nghiêm túc không? Những gì đang là bất cập, vướng mắc giữa các qui định của Pháp luật và thực tế với những cơ quan, người tiến hành tố tụng .. ở địa bàn thành phố Hà Nội? v.v... Có thể khẳng định: Đây là một vấn đề mà những người hành nghề Luật sư, những nhà làm Luật trong cả nước đang rất quan tâm. Chính vì vậy, việc tìm hiểu vai trò, vị trí, chức năng của Luật sư – Những bất cập, khó khăn trong hoạt động TTHS được đặt ra là hết sức cần thiết và cấp bách. Và, để góp một phần làm rõ hơn về nội dung này, tác giả chọn đề tài: **“Hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án Hình sự - Từ thực tiễn thành phố Hà Nội”**; với một mong muốn là, thông qua các cơ sở pháp lý và tình hình hoạt động thực hiện quyền và nghĩa vụ của Luật sư trong việc bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can ... Tác giả sẽ phân tích, chứng minh làm rõ những vấn đề giữa lý luận và thực tiễn về hoạt động của Luật sư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua đó sẽ chỉ ra những bất cập về qui định của Pháp luật cũng như những khó khăn, vướng mắc, thậm chí là những cản trở của những người, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình Luật sư hoạt động hành nghề. Từ đó có đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao vị thế, vai trò của Luật sư trong hoạt động bào chữa, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; đồng thời góp phần bổ sung hoàn thiện hơn về mặt pháp luật TTHS của nước ta.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hoạt động của Luật sư – Những khó khăn, bất cập trong TTHS, nhất là trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự là một thực tế và là đề tài được đề cập dưới dạng này hay dạng khác trong một số công trình nghiên cứu khoa học về TTHS; trong các Bình luận khoa học về TTHS; trong một số Luận văn của một số tác giả nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nội dung: *Các qui định pháp lý và thực tế hoạt động của Luật sư trong TTHS ở Việt Nam nói chung*. Tuy nhiên, ở mỗi một địa phương, mỗi lĩnh vực nghiên cứu ... vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS có khác nhau và cho

đến nay, chưa có một nghiên cứu nào cụ thể đề cập đến “*Hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án Hình sự, từ thực tiễn thành phố Hà Nội*”.

Vì vậy, bằng Luận văn này, tác giả với mong muốn được đề cập đến việc nghiên cứu chi tiết nội dung qui định của Pháp luật về vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS ở Việt Nam; khái quát đánh giá những bất cập, khó khăn phát sinh trong quá trình tác nghiệp của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích khái quát các qui định của Pháp luật về vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS; Đề tài tập trung nghiên cứu nhằm phân tích làm rõ những thuận lợi và – chủ yếu là chỉ ra những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của Luật sư thông qua việc giải quyết các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó nhằm đưa ra các giải pháp để bổ sung, hoàn thiện một bước về pháp luật; đồng thời góp phần nâng cao địa vị pháp lý của Luật sư trong TTHS – nhất là trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu, tác giả mong muốn Đề tài sẽ:

- Làm sáng tỏ các khái niệm về Luật sư, nghề Luật sư và vai trò của Luật sư trong TTHS; khái quát về địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của Luật sư theo pháp luật TTHS hiện hành.

- Đánh giá đúng thực tế nhất hoạt động bào chữa của Luật sư trong TTHS ở giai đoạn Điều tra vụ án hình sự, từ thực tế địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 5 năm (Từ 2011 – 2015).

- Đưa ra những kiến nghị thuyết phục để góp phần bổ sung, hoàn chỉnh pháp luật TTHS. Đồng thời, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao địa vị pháp lý của Luật sư; tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của Luật sư, nhằm khẳng định địa vị pháp lý của Luật sư trong tổ tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Những vấn đề Lý luận và thực tiễn về Hoạt động của Luật sư trong việc bào chữa (cho bị can) và bảo vệ (Cho bị hại) trong giai đoạn điều tra dưới góc độ Luật TTHS gắn với địa bàn thành phố Hà Nội và một vài tỉnh lân cận (từ năm 2011 – 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để giải quyết được các vấn đề cần báo cáo do Đề tài đặt ra; tác giả đã sử dụng các phương pháp luận của Chủ nghĩa Duy vật biện chứng, Chủ nghĩa Duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác-Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống các quan điểm của Đảng, Nhà nước về địa vị pháp lý, vị trí vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS ở Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành việc nghiên cứu, tác giả dùng phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu giữa các quy định của Pháp luật hiện hành, phân tích và so sánh các quy định của Pháp luật về hoạt động tham gia TTHS của Luật sư, phương pháp nghiên cứu tài liệu, bản án, hồ sơ vụ án, phương pháp sử dụng ý kiến các chuyên gia, phương pháp lựa chọn điển hình Phương pháp thống kê cũng được sử dụng để tổng kết các hoạt động của Luật sư trong quá trình tham gia tố tụng.

Các tài liệu được sử dụng trong đề tài là những Báo cáo sơ, tổng kết về định kỳ hoặc chuyên đề của các Cấp, Ban, Ngành của thành phố Hà Nội, như: Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, Cơ quan Điều tra – CATP Hà Nội, Viện KSND, TAND thành phố Hà Nội; Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp TP Hà Nội ... trong 5 năm (Từ 2011 – 2014) nhằm chứng minh cho những nhận định, đánh giá của Đề tài.

Các kết quả thu được từ Đề tài này có thể sử dụng để làm tài liệu tham khảo, bổ sung vào pháp luật thực định. Một số giải pháp của đề tài có giá trị tham khảo đối với

cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu về hoạt động tham gia tố tụng của Luật sư – nhất là hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Với những trình bày, phân tích trong Đề tài này, có tác dụng trong đánh giá những bất cập, khó khăn, vướng mắc cũng như vai trò của Luật sư trong việc tham gia giải quyết các vụ án hình sự

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn khái quát những vấn đề lý luận về những quy định của Pháp luật về vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS Việt Nam – Nhất là hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự. Đồng thời, kết quả của hoạt động nghiên cứu lý luận góp phần làm nguồn tư liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu trong khoa học pháp lý về TTHS.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở lý luận, tác giả đã nghiên cứu, phân tích hoạt động bào chữa của Luật sư ở giai đoạn Điều tra vụ án hình sự trong 5 năm (Từ 2011 – 2015) trên địa bàn thành phố Hà Nội và một vài tỉnh, thành phố lân cận do các Luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tiến hành. Kết quả nghiên cứu của Đề tài sẽ có tác dụng đóng góp một phần việc bổ sung, hoàn thiện các quy định của Pháp luật về vị trí, vai trò, chức năng và địa vị pháp lý của Luật sư trong TTHS; đồng thời giúp người, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cũng như Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, cá nhân các Luật sư phát huy các kết quả đã đạt được, khắc phục các hạn chế thiếu sót trong TTHS, góp phần đảm bảo Pháp chế XHCN.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Danh mục các chữ viết tắt ... Bố cục của Luận văn được chia làm 03 Chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về hoạt động của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Chương 2: Thực trạng hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Chương 3: Các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Quan niệm hoạt động Luật sư như một nghề nghiệp trong xã hội không phải đã được thừa nhận trong hệ thống Pháp luật thực định ở nước ta trong một thời gian dài cho đến trước thời điểm ban hành Pháp lệnh Luật sư năm 2001 và sau đó đến Luật Luật sư năm 2006 và sửa đổi bổ sung năm 2012. Thực tế cho thấy đó là căn nguyên của các cuộc đấu tranh dài lâu giành độc lập dân tộc của nhân dân ta..

Như vậy, Luật sư là người có đủ điều kiện hành nghề theo qui định của pháp luật, tham gia tổ tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân tổ chức đó theo qui định của pháp luật. Hoạt động của Luật sư mang tính chuyên nghiệp, bởi vì Luật sư là người có trình độ cũng như sự am hiểu pháp luật sâu sắc.

Theo điều 2 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012 thì, Luật sư là “Người đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo qui định của Luật này; thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng)”.

Quan niệm coi Luật sư là chức danh độc lập không chỉ có ý nghĩa về lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn; làm cơ sở cho việc cải cách các hệ thống cơ quan tư pháp và xây dựng đội ngũ Luật sư chuyên nghiệp.

“Hoạt động” – theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng, NXB Đà Nẵng năm 2009, là: *“Tiến hành những việc làm có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm một mục đích chung, trong một lĩnh vực nhất định”* [2; 342]. Hoạt động cũng có thể hiểu là làm những việc khác nhau với mục đích nhất định trong đời sống xã hội[46]. Và những công việc khác nhau đó phải được tiến hành bởi chủ thể nhất định.

Tùy theo đòi hỏi của từng lĩnh vực hoạt động khác nhau, mà mỗi công việc lại tự xác định cho nó chủ thể thực hiện. Hoạt động công vụ được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước, trực tiếp là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Hoạt động

xét xử vụ án được thực hiện bởi chủ thể xác định là Tòa án, trực tiếp là Hội đồng xét xử tại phiên tòa....

Có thể thấy hoạt động là biểu hiện ra bên ngoài, thể hiện chức năng của chủ thể tiến hành hoạt động. Thông qua những phương diện hoạt động, mà thể hiện được vai trò của chủ thể hoạt động, hay nói cách khác, nó thể hiện cái cơ cho sự hiện diện của chủ thể trong các quan hệ xã hội.

Đối với luật sư, thể hiện cái cơ cho sự hiện diện của luật sư trong xã hội chính là thông qua các công việc, hoạt động của luật sư khi tham gia tố tụng, cụ thể ở đây là giai đoạn điều tra trong tố tụng hình sự.

Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức[30];

Để thể hiện vai trò của mình, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, luật sư tiến hành rất nhiều công việc trong phạm vi nghề nghiệp, chuyên môn của mình và các quy định cho phép của pháp luật.

Việc liệt kê các công việc của luật sư trong giai đoạn này là cần thiết, qua đó thể hiện rõ vai trò của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tuy nhiên, sự liệt kê chi tiết là không cần và không thể. Bởi trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, luật sư phải thực hiện rất nhiều công việc mang tính chất nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi cho người bị buộc tội: Tiếp nhận yêu cầu tư vấn, bảo vệ từ người bị buộc tội hoặc gia đình, người thân thích của người bị buộc tội; Tư vấn, hướng dẫn người bị buộc tội, gia đình cung cấp, thu thập chứng cứ liên quan đến vụ việc; Tư vấn pháp luật hình sự liên quan đến hành vi phạm tội và hình phạt; Phân tích, đánh giá, nhận định cơ sở pháp lý đối với yêu cầu bào chữa của khách hàng; Tư vấn thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan điều tra, quyền hạn và nghĩa vụ của người bị buộc tội; Hướng dẫn thực hiện văn bản yêu cầu Luật sư bào chữa;Tiến hành đăng ký bào chữa tại cơ quan điều tra;Tiếp xúc với người bị buộc tội trong trường hợp bị bắt, tạm giam, tạm giữ tại cơ quan điều tra;Tư vấn cho người bị buộc tội cách thức hợp pháp để bảo vệ quyền lợi của mình trong giai đoạn điều tra;Tham gia các buổi hỏi cung, lấy lời khai để làm rõ các tình tiết phục vụ cho việc bào chữa và bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội.

Tuy nhiên, có thể khái quát hoạt động của luật sư trong giai đoạn vụ án hình sự như sau: *Hoạt động của luật sư trong vụ án hình sự là những phương diện hoạt động của luật sư nhằm thực hiện chức năng nghề nghiệp của luật sư, hướng tới mục đích bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.*

1.2. Đặc điểm của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra là hoạt động mang tính nghề nghiệp.

Nói hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hoạt động mang tính nghề nghiệp trước hết nhằm để phân biệt với các hoạt động nghề nghiệp khác trong xã hội. Hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có những khác biệt với những hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật như thẩm phán, công tố, công an, công chứng, không chỉ ở chức năng, theo sự phân công của xã hội, mà còn ở chỗ nó được thể hiện qua các phương thức hành nghề một cách tự do. Luật sư không phải là một công chức, không phải là một chức vụ được đề cử hoặc đề bạt, mà là một danh xưng được đặt ra theo sự phát triển của lịch sử và được pháp lý hóa. Nghề luật sư bao hàm ý nghĩa chỉ những người hội đủ điều kiện theo quy định của pháp luật mới được phép hành nghề luật sư. Điều này cũng phân biệt một số trường hợp được coi là người bào chữa hoặc là người đại diện theo ủy quyền như quy định trong pháp luật tố tụng (như bào chữa viên nhân dân, người thân thích của bị can, bị cáo...) nhưng không phải là người hoạt động trong nghề luật sư nhằm giúp cho quá trình hành nghề được hợp pháp.

Hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự dựa trên pháp luật và quy chế trách nhiệm nghề nghiệp.

Cũng như bất cứ hoạt động nghề nghiệp nào khác, nền tảng hoạt động của nghề luật sư phải dựa trên pháp luật và các quy chế trách nhiệm nghề nghiệp. Luật sư khi tham gia tố tụng trong giai đoạn chỉ được làm những việc mà pháp luật tố tụng hình sự, luật luật sư cho phép. Bộ luật tố tụng hình sự của Việt Nam quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đây là cơ sở pháp lý

quan trọng để luật sư thực hiện công việc nghề nghiệp của mình, đồng thời cũng đặt ra giới hạn cho hoạt động của luật sư trong giai đoạn này.

Bên cạnh đó, hoạt động của luật sư trong giai đoạn tố tụng hình sự cũng chịu ràng buộc của pháp luật về luật sư. Pháp luật về luật sư được coi là hệ thống các quy phạm pháp luật xác định vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội, quy định các quyền và nghĩa vụ của luật sư trong hành nghề, phạm vi quản lý Nhà nước đối với hoạt động luật sư và tính tự quản trong tổ chức nghề nghiệp luật sư; xử lý vi phạm trong hoạt động nghề nghiệp....

Pháp luật về luật sư có tác dụng như “hành lang”, “khuôn mẫu chung” cho luật sư hoạt động với các quyền và nghĩa vụ cụ thể trước pháp luật, còn quy chế trách nhiệm nghề nghiệp luật sư lại chủ yếu điều chỉnh hành vi ứng xử của luật sư trong hoạt động nghề nghiệp và trong xã hội, tuy không hoàn toàn mang tính bắt buộc nhưng cũng đòi hỏi phải được sự tôn trọng từ phía các luật sư.

- Hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là bất khả kiêm nhiệm

Thông lệ hành nghề luật sư trên thế giới là bất khả kiêm nhiệm. Bất khả kiêm nhiệm như một đặc điểm trong hoạt động của nghề luật sư không chỉ bảo đảm hoạt động này mang tính chuyên nghiệp, mà còn góp phần nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội. Tuy nhiên, do đặc điểm lịch sử của đất nước và quá trình hình thành nghề luật sư ở Việt Nam, nên trong một thời gian khá dài sau giải phóng, pháp luật về luật sư vẫn cho phép duy trì chế độ luật sư kiêm chức. Những luật sư kiêm chức này thực chất vẫn bảo đảm các tiêu chuẩn hành nghề luật sư, nhưng họ đang là công chức hoặc những người làm việc liên quan đến pháp luật khác, chiếm tỷ lệ gần 40% số lượng luật sư trong cả nước. Khiếm khuyết của tình trạng kiêm nhiệm này trong thời gian qua là luật sư kiêm chức không thật sự sống với nghề và bằng nghề, thời gian dành cho hoạt động luật sư bị chi phối bởi thời gian làm việc mang tính bắt buộc của công chức, thậm chí gây phiền hà cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi vắng mặt tại phiên tòa xét xử bị cáo mà mình đã nhận trách nhiệm bào chữa. Tính không chuyên nghiệp trong hoạt động luật sư về phương diện này còn làm cho người cần hỗ trợ về pháp lý, bị can, bị cáo cảm thấy không tin tưởng vào sự tận tâm của luật sư, các cơ

quan tiến hành tố tụng vì thế mà có đánh giá không tốt về hoạt động nghề nghiệp luật sư, giảm thiểu vai trò luật sư trong đời sống xã hội.

Mặt khác, về phương diện pháp lý, Luật cán bộ, công chức quy định cán bộ, công chức không được thành lập và tham gia thành lập, quản lý điều hành các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, trường học, tổ chức nghiên cứu khoa học tư; không được tư vấn về các công việc có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật công tác, các công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình... Quan điểm của những nhà làm luật cho rằng, để tiến tới chuyên nghiệp nghiệp hóa đội ngũ luật sư, cần thực hiện nguyên tắc bất khả kiêm nhiệm để luật sư có thể chuyên tâm với nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp lý ngày càng phong phú và phức tạp của nhân dân[3].

1.3. Mục đích của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Luật sư đóng vai trò “bác sĩ pháp lý” cho bị can, người được tiếp cận bị can với tư cách người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ, có trách nhiệm giải thích cho bị can về những quyền được pháp luật bảo đảm, chuẩn bị tâm lý để từ đó giúp người bị “tình nghi phạm tội” bình tĩnh, sáng suốt trong quá trình khai báo, trung thực, khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật và xem xét toàn bộ nội dung điều tra để minh oan cho người bị “tình nghi phạm tội”.

Trong giai đoạn này, việc đầu tiên mà luật sư phải làm là thực hiện thủ tục để được tham gia với tư cách là người bào chữa của người bị tạm giữ, bị can. Sau khi, luật sư chính thức có tư cách người bào chữa, tham gia vào giai đoạn điều tra. Luật sư cần gặp gỡ, làm việc với cơ quan điều tra, có thể trao đổi về nội dung vụ án nếu cần thiết, đảm bảo có lợi cho người được bào chữa..

Ngoài ra, việc luật sư bào chữa tham gia vào các hoạt động điều tra khác như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, xem xét dấu vết thân thể... thông qua đó phát hiện được những tình tiết mới của vụ án hoặc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, các tình tiết có ý nghĩa minh oan cho bị can trong trường hợp bị can vô tội, làm hạn chế tình trạng oan sai ngay từ giai đoạn điều tra trong tố tụng hình sự. Và tựu chung lại, tuy là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự nhưng ngay từ công việc điều tra, luật sư là nhằm hướng tới mục đích định hướng cho mình

cách nghiên cứu hồ sơ, thu thập tài liệu, chứng cứ và định hướng việc bào chữa cho bị can nhằm bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp cho họ.

1.4. Ý nghĩa của của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, luật sư là *người tham gia để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho các bị can, và các đương sự. Xét về góc độ pháp luật, luật sư cũng như những người tham gia tố tụng khác và những người tiến hành tố tụng *đều bình đẳng trước pháp luật*. Pháp luật quy định cho họ các quyền và nghĩa vụ nhất định và Nhà nước bảo đảm cho họ được thực hiện đầy đủ các quyền đó. Nếu Toà án đại diện cho Nhà nước để ra bản án, Viện Kiểm sát cũng đại diện cho Nhà nước để bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa thì *luật sư đứng về phía bị can, bị cáo và các đương sự* để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Nếu đằng sau Toà án, Viện kiểm sát là cả một bộ máy công quyền với đầy đủ quyền uy của nó thì có thể nói *chỗ dựa vững chắc nhất của luật sư chỉ có thể là pháp luật*. Nếu pháp luật không có những quy định đủ để tạo điều kiện hành nghề cho luật sư thì luật sư không thể phát huy được hết khả năng của mình trong hoạt động tố tụng.

Giai đoạn điều tra được ví như “đầu vào” của vụ án, hướng đi của hồ sơ có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình tiến hành tố tụng. Nếu hướng điều tra bị “bẻ ghi” thì sẽ gây ra hậu quả khôn lường, vì vậy, luật sư là người “gác ghi” của vụ việc cần phải nắm vững pháp luật, tâm lý bị can, kỹ năng hành nghề để vào cuộc tự tin, vững vàng và góp phần đưa sự việc đi theo đúng hướng khách quan của vụ án. Có làm được như vậy thì vai trò, vị trí của luật sư sẽ được đề cao, người bào chữa mới hoàn thành chức năng xã hội của mình đối với người bị “tình nghi phạm tội” [47].

1.5. Nội dung của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Như trên đã phân tích, mục đích của hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là định hướng cho mình cách nghiên cứu hồ sơ, thu thập tài liệu, chứng cứ và định hướng việc bào chữa cho bị can nhằm bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp cho họ. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự, luật sư cần thiết phải thực hiện tốt vai trò của mình thông qua các hoạt động sau đây:

Tham gia vào tất cả các hoạt động mà người bị buộc tội yêu cầu và pháp luật cho phép;

Trong các hoạt động tố tụng có sự tham gia của luật sư, luật sư phải thực hiện đúng vai trò của mình theo hướng bảo đảm dân chủ, khách quan trong tố tụng, cụ thể: áp dụng các biện pháp pháp luật quy định để yêu cầu những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các yêu cầu của pháp luật; giám sát hoạt động của những người tham gia tố tụng và kịp thời kiến nghị yêu cầu họ thực hiện đúng quy định của pháp luật; kịp thời thông báo cho khách hàng về diễn biến của các hoạt động tố tụng để tham khảo thêm ý kiến của họ, trên cơ sở đó đề xuất với cơ quan tiến hành tố tụng những biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi cho khách hàng[8; 28];

Để đạt được mục đích đó, trong giai đoạn này, luật sư phải thực hiện rất nhiều các công việc khác nhau. Nội dung hoạt động của luật sư được giới hạn trong phạm vi các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đối chiếu với thực tiễn hoạt động, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tập trung chủ yếu vào những nội dung sau:

Thứ nhất là: *“Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật qui định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội; những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo...”*(Điểm a, khoản 3, Điều 58 – BLTTHS).

Trên cơ sở đó Luật sư xác định những vấn đề cần trao đổi để đề xuất với cơ quan tiến hành tố tụng cũng như chuẩn bị kế hoạch, xác định phương án bào chữa hoặc phương án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho thân chủ. Luật sư cần phải nghiên cứu hồ sơ một cách toàn diện và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tránh tình trạng chủ quan chỉ nghiên cứu những tài liệu mà mình cho là quan trọng, còn các tài liệu khác thì bỏ qua.

Vai trò của Luật sư trong quá trình tố tụng có vị trí hết sức quan trọng, với nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật qui định để làm rõ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội hoặc có những tình tiết giảm nhẹ của bị can, bị cáo.

Việc làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án sẽ giúp cho Luật sư có hướng giải quyết có lợi nhất cho thân chủ theo qui định của pháp luật.

Thứ hai là: *“Giúp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ”* (Điểm b, khoản a, Điều 58 – BLTTHS)

Trong giai đoạn này, Luật sư sẽ sự chỉ dẫn cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo biết cái đúng, cái sai; việc gì được làm, việc gì không được làm. Tuy chức năng của Luật sư không phải là lên án, buộc tội họ trước công chúng; nhưng trách nhiệm của Luật sư là phân tích để họ thấy được tội lỗi của họ từ đó giúp họ có phương hướng cải tà, qui chính. Nếu có căn cứ để tin rằng họ không có tội thì Luật sư phải sử dụng mọi biện pháp do pháp luật qui định để gỡ tội cho họ

Thứ ba là: “thực hiện việc bào chữa cho bị can mà mình đảm nhận bào chữa,”
(Điểm c, khoản 3, Điều 58 – BLTTHS)

Người bào chữa là do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn; nhưng trong những trường hợp bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố hoặc bị đưa ra xét xử về tội mà khung hình phạt đối với tội ấy là tử hình hoặc bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, thì tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng mà Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn Luật sư phân công Văn phòng Luật sư cử người bào chữa hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Việc phân công văn phòng Luật sư cử người bào chữa cho bị can, bị cáo và việc Văn phòng Luật sư cử người bào chữa cho bị can, bị cáo là nghĩa vụ bắt buộc của Đoàn Luật sư và của Văn phòng Luật sư. Qui định này nhằm đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong những trường hợp mà họ không có khả năng tự bào chữa được. Nếu đã cử mà bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ vẫn từ chối hoặc yêu cầu thay đổi người bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng phải chấp nhận yêu cầu của họ.

Qui định này được hiểu là khi đã đảm nhận công việc bào chữa theo lời mời của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc được cử theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì người bào chữa không được từ chối bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trừ khi có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, cùng một lúc bào chữa cho nhiều bị can, bị cáo trong cùng một vụ án mà các bị can, bị cáo đó có quyền, lợi ích đối lập nhau, lời khai mâu thuẫn, đổ lỗi cho nhau.

Thứ tư là: tìm mọi luận cứ, luận điểm để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của người bào chữa; giúp họ chứng minh bản thân vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ (*Điểm d, khoản 3, Điều 58 – BLTTHS*). Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc người bào chữa có quyền làm sai lệch sự thật vụ án để bằng mọi giá đạt được mục đích. Là người am hiểu pháp luật, người bào chữa càng phải luôn luôn tôn trọng sự thật của vụ án và tôn trọng pháp luật, họ chỉ có thể thực hiện chức năng bào chữa của mình, tìm những tình tiết có lợi cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo dựa trên sự thật khách quan của vụ án. Hành vi mua chuộc, cưỡng ép để người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật là đi ngược lại đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội cũng như vi phạm pháp luật tố tụng.

Thứ năm là: tiến hành các công việc đảm bảo bí mật Điều tra mà mình biết được khi thực hiện việc bào chữa (*Điểm e, khoản 3, Điều 58 – BL TTHS*). Điều này cũng nhằm đảm bảo bí mật quốc gia và những lợi ích chung của xã hội. Tuy vậy, đến nay chưa có qui định nào khác của Bộ luật TTHS năm 2003 (Bộ luật TTHS năm 3015 đến nay – khi Tác giả đang làm đề tài này vẫn còn đang trong giai đoạn chỉnh sửa, chưa chính thức thực hiện) hoặc Văn bản hướng dẫn nào khác qui định thế nào là “Bí mật Điều tra”. Người bào chữa mà làm trái pháp luật thì tùy theo mức độ, tính chất vi phạm để xem xét việc bị thu hồi Giấy chứng nhận người bào chữa, xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo qui định của pháp luật.

Bộ luật TTHS năm 2015 qui định về “Người bị tạm giữ” theo đó đã phát sinh những quan hệ pháp lý TTHS đối với người bị tạm giữ mà bộ luật TTHS năm 2003 không đề cập đến.

Tại khoản 2, điểm a, Điều 58 qui định: “*Người bào chữa được quyền có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ và nếu được Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động Điều tra khác; xem các Biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng có liên quan đến người mà mình bào chữa.*”

Cơ sở đảm bảo cho hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chính là các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về các quyền của luật sư trong giai đoạn này. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, luật sư có quyền tham gia tố tụng từ

khi khởi tố bị can (Điều 36 BLTTHS), có quyền có mặt khi hỏi cung bị can và nếu được điều tra viên đồng ý thì được hỏi bị can và có mặt trong các hoạt động điều tra khác; Luật sư cũng có quyền đề nghị thay đổi điều tra viên, người giám định, người phiên dịch; Luật sư có quyền đưa ra các chứng cứ và những yêu cầu, có quyền được gặp bị can trong trại tạm giam; có quyền đọc hồ sơ vụ án và ghi chép những điều cần thiết sau khi kết thúc điều tra; Luật sư có quyền khiếu nại quyết định của cơ quan điều tra, khiếu nại đối với hoạt động của điều tra viên.

Kết luận chương 1

Trong nội dung chương này, Tác giả nghiên cứu và đề cập đến những vấn đề lý luận về hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Qua đó nhằm làm rõ các khái niệm – nhận thức cơ bản, đặc điểm, mục đích, ý nghĩa, nội dung hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Những vấn đề lý luận được làm rõ tại chương 1 sẽ tạo cơ sở để đánh giá thực trạng hoạt động của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội tại chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Khái quát một số nét về thành phố Hà Nội và hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

2.1.1. Hà Nội - Vị trí địa lý, đơn vị hành chính, dân số; văn hóa – xã hội

Hà Nội – Thủ đô nước CH XHCN Việt Nam và cũng là kinh đô của hầu hết các vương triều Việt Nam trước đây. Do đó, lịch sử Hà Nội gắn liền với sự thăng trầm của lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ. Hà Nội là thành phố lớn nhất Việt Nam về diện tích, với 3328,9 km² sau đợt mở rộng địa giới hành chính năm 2008, đồng thời cũng là địa phương đứng thứ nhì về dân số với 7.500.000 người (năm 2015).

Hiện nay, thủ đô Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là đô thị loại đặc biệt của Việt Nam.

Hà Nội nằm giữa đồng bằng sông Hồng trù phú, nơi đây đã sớm trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt nam. Năm 1010, Lý Công Uẩn, vị vua đầu tiên của nhà Lý quyết định xây dựng kinh đô mới ở vùng đất này với cái tên Thăng Long. Trong suốt thời kỳ của các triều đại Lý, Trần, Lê, Mạc, kinh thành Thăng Long là trung tâm văn hóa, giáo dục và buôn bán của cả nước. Khi Tây Sơn rồi nhà Nguyễn lên cầm quyền, trị vì, kinh đô được chuyển về Huế và Thăng Long bắt đầu mang tên Hà Nội từ năm 1831, dưới thời vua Minh Mạng.

Năm 1902, Hà Nội trở thành thủ đô của liên bang Đông Dương và được người Pháp qui hoạch , xây dựng lại, được mệnh danh là “Tiểu Paris của Phương đông” thời bấy giờ. Trải qua hai cuộc chiến tranh, Hà Nội là thủ đô của nước CH XHCN Việt Nam thống nhất và giữ vai trò này cho tới ngày nay. Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8/2008, Hà Nội có diện tích tự nhiên lớn gấp 3 lần trước đây và đứng vào top 17 thủ đô trên thế giới có diện tích rộng nhất; dân số hiện là 7,5 triệu người (2015); gồm 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã, 577 xã, phường, thị trấn.

Một đặc điểm quan trọng không thể không nói đến đối với Hà Nội, đó là nơi tập trung đặt trụ sở của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam; nơi các cơ quan Trung ương, Bộ, Ban, Ngành hoạt động ... Vì vậy, bên cạnh những mặt tích cực, đây cũng là nơi tập

trung các hoạt động của tội phạm và tệ nạn xã hội mà các Cơ quan chức năng luôn phải có các phương án, biện pháp phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, để đảm bảo ANQG duy trì TTATXH.

2.1.2. Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội : Cơ cấu, bộ máy, tổ chức trong hoạt động TTHS tại thành phố Hà Nội

2.1.2.1. Khái quát tình hình về tổ chức và hoạt động Luật sư tại thành phố Hà Nội

Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội được thành lập theo quyết định số 1615/QĐ-TC ngày 30/4/1984 của UBND TP Hà Nội. Ngày 18/12/1987, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Tổ chức Luật sư Việt Nam; trên cơ sở đó, UBND TP Hà Nội ra quyết định số 1874/QĐ-TC tiếp tục công nhận hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội theo Pháp lệnh trên.

- Về cơ cấu tổ chức: Các cơ quan, bộ máy của Đoàn Luật sư TP Hà Nội gồm:

Đại hội Đại biểu Đoàn Luật sư (*Là cơ quan giữ quyền cao nhất*); Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư; Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật; Các Ban Chuyên trách; Văn phòng Đoàn Luật sư; Các Tổ chức Đoàn thể và các Câu lạc bộ Luật sư trực thuộc.

- Qua Tám nhiệm kỳ với trên 30 năm hoạt động (*Từ năm 1984 đến nay*); Đoàn Luật sư TP Hà Nội đã phát triển và lớn mạnh không ngừng. Từ một tổ chức với 16 thành viên sáng lập ban đầu, cho đến nay (*tính đến 31/12/2016*) đã có tổng số 1.005 tổ chức hành nghề Luật sư (470 Văn phòng Luật sư; 514 Công ty Luật; 21 Chi nhánh hành nghề Luật sư tại các địa phương ...) với 3.015 Luật sư thành viên (có 1.115 nữ và 1.900 Luật sư nam) và 2.598 người tập sự hành nghề Luật sư.

Hiện nay, mô hình tổ chức của Đoàn Luật sư TP Hà Nội gồm:

- Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP Hà Nội nhiệm kỳ IX (2015 – 2020) gồm 13 thành viên. Trong đó có: Chủ nhiệm; 06 Phó Chủ nhiệm; 06 Thành viên Ban Chủ nhiệm.

- Hội đồng Khen thưởng – Kỷ luật gồm 15 thành viên. Trong đó có: Chủ tịch; 07 Phó Chủ tịch và 07 Thành viên.

Ngoài ra, Đoàn Luật sư TP Hà Nội có 01 Trung tâm và 06 Ban chuyên trách, cụ thể: Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Luật sư; Ban bảo vệ quyền lợi Luật sư; Ban Đối

ngoại; Ban Chính sách Luật sư; Ban Hòa giải Luật sư; Ban Tài chính – Vật chất; Ban Truyền thông và Văn thể.

Chức năng – nhiệm vụ:

Điều lệ Đoàn Luật sư Hà Nội qui định: “ *Đoàn Luật sư TP Hà Nội là tổ chức xã hội nghề nghiệp; là tổ chức thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, của Mặt trận tổ quốc (MTTQ) Việt Nam thành phố Hà Nội; đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hành nghề; thực hiện chức năng tự quản, kết hợp với quản lý Nhà nước, nhằm xây dựng đội ngũ Luật sư thủ đô có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; thực hiện chức năng bảo vệ công lý; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô và của cả nước*”.

Bảng 2.1. Tình hình xây dựng và phát triển của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Năm	Tổng số luật sư	Trình độ đào tạo về chuyên môn			Ghi chú
		Cử nhân	Thạc sỹ	PGS, GS - TS	
2011	1.655	1.461	146	48	
2012	1.872	1.653 (tăng 192)	165 (tăng 19)	54 (tăng 6)	
2013	2.116	1.849 (tăng 196)	202 (tăng 37)	65 (tăng 11)	
2014	2.408	2.097 (tăng 248)	238 (tăng 16)	73 (tăng 8)	
2015	2.666	2.316 (tăng 219)	271 (tăng 33)	79 (tăng 6)	
Nếu tính đến 31/12/2016, thì số lượng Đoàn Luật sư TP Hà Nội như sau:					
2016	3.015	2.614	316	85	

(Số liệu do Đoàn Luật sư TP Hà Nội cung cấp - Tháng 12/2016)

Nhìn bảng 2.1.2.1, ta thấy: Trong thời gian 5 năm (Từ 2011 – 2015):

- Số lượng Luật sư tăng hơn gấp đôi (100%). Bình quân mỗi năm tăng là: 200 Luật sư.

- Số Luật sư là Cử nhân Luật tăng từ 1.461 (năm 2011) lên 2.316 (năm 2015).
- Số Luật sư là Thạc sỹ Luật tăng từ 146 (năm 2011) lên 271 (năm 2015).
- Số Luật sư là PGS, GS -TS tăng từ 48 (năm 2011) lên 79 (năm 2015) và lên là 85 (năm 2016).

Nếu tính đến **31/12/2016** thì số lượng và tình hình đội ngũ Luật sư – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội hiện nay có: **3.015 Luật sư. Trong đó: Cử nhân Luật là: 2.614; Thạc sĩ là: 316; GS là: 4; PGS là: 7 và TS là: 74.**

Ngoài ra, hiện có trên 2.598 người tập sự hành nghề Luật sư đang tập sự tại các tổ chức của Đoàn Luật sư Hà Nội; đây là nguồn cơ bản, quan trọng để bổ sung vào đội ngũ Luật sư Thủ đô trong các năm tới. Trong tương lai đến năm 2020, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội sẽ đạt tới 5.000 Luật sư theo mục tiêu và yêu cầu đặt ra trong chiến lược phát triển và định hướng của Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Về vai trò hoạt động của Luật sư – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia các giai đoạn tố tụng trong thời gian những năm qua, thực sự góp phần đảm bảo tốt hơn quyền bào chữa của bị can, bị cáo và các đương sự khác; ngoài ra, còn giúp các cơ quan chức năng tiến hành tố tụng phát hiện, sửa chữa các sai sót làm rõ sự thật khách quan, xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan, sai; bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu: *“Phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa”*.

Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/05/2005, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” số lượng Luật sư tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo theo yêu cầu (mời) và theo “chỉ định” của các Cơ quan chức năng theo qui định tại khoản 2, Điều 57 – BL TTHS ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng.

2.1.2.2. Hoạt động của Luật sư – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia các vụ án hình sự:

Qua số liệu thống kê ở bảng 2.1 trên và thực tế cho thấy: Trong những năm qua, cùng với việc tăng nhanh về số vụ, chất lượng Dịch vụ pháp lý của Luật sư cũng được nâng cao đáng kể. Về tham gia hoạt động tố tụng, các Luật sư của Đoàn Luật sư thành phố Hà

Nội đã tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng trong tất cả các lĩnh vực: Hình sự, Dân sự, Kinh tế, Hành chính, Lao động ... Ngoài số vụ Hình sự mà Luật sư tham gia bào chữa tăng hàng năm thì các vụ án về Kinh tế, hành chính có chiều hướng tăng nhanh. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn khách quan và trình độ các Luật sư chưa đồng đều; nhưng nhìn chung chất lượng tham gia tố tụng của Luật sư ngày càng được cải thiện và nâng cao rõ rệt.

Thực hiện chủ trương coi trọng và nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, nhiều luật sư ngoài việc đầu tư cho việc chuẩn bị Bài Luận cứ bào chữa có chất lượng cao còn chủ động tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa nhằm giúp tìm ra sự thật khách quan, áp dụng đúng đắn pháp luật, khắc phục oan sai, đem lại sự công bằng cho người bị kết tội ; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế XHCN.

Bên cạnh đó, hoạt động bào chữa trong các vụ án hình sự theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng (*án chỉ định*) được Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư và các Luật sư xác định là nhiệm vụ chính trị - pháp lý quan trọng của đội ngũ Luật sư – “Những người bảo vệ công lý” và công bằng cho xã hội. Trong các năm qua, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và các Luật sư thành viên đã tiếp nhận và thực hiện tốt 100% việc bào chữa trong các vụ án hình sự do các Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu.

Bảng 2.2 Thống kê số lượng vụ án hình sự Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Số TT	Năm	Tổng số VAHS khởi tố	Trong đó			
			Án Chỉ định Luật sư		Án Mời Luật sư	
			Số vụ	Tỷ lệ% trên TS vụ khởi tố	Số vụ	Tỷ lệ% trên TS vụ khởi tố
01	2011	1.489	415	27,87%	1.047	72,13%
02	2012	1.487	401	26,96%	1.086	73,04%

03	2013	1.444	472	32,68%	972	67,32%
04	2014	1.769	469	26,51%	1.351	73,49%
05	2015	1.931	389	20,14%	1.542	79,86%

(Số liệu từ Đoàn Luật sư TP Hà Nội, tháng 12/2016 – Ước đạt khoảng 80% số liệu thực tế)

Phân tích Bảng 2.1.2.2. Thống kê số lượng vụ án hình sự Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia cho thấy: Trong 5 năm (Từ 2011 đến 2015) số vụ án hình sự khởi tố có Luật sư tham gia liên tục tăng, từ 1.431 vụ/ năm 2011 lên 1.489 vụ/ năm 2015; số vụ án chỉ định tương đối ổn định, thường giao động trong khoảng từ 400 vụ đến dưới 500 vụ. Riêng số vụ án Luật sư được mời (yêu cầu) cũng tăng nhiều (từ 1.047 vụ/ năm 2011 lên 1.542 vụ/ năm 2015, trừ năm 2013 là 972 vụ).

2.2. Thực trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư trong các giai đoạn tố tụng hình sự tại địa bàn thành phố Hà Nội

Tổ tụng hình sự (TTHS) là một dạng hoạt động đặc thù của Nhà nước nhằm giải quyết các vụ án hình sự (VAHS) bảo vệ lợi ích Nhà nước, xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong đó có những người bị buộc tội. Mục đích của TTHS đã được xác định tại Điều 1 – BL TTHS năm 2003 là: *“Nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội; không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội”*. Sự buộc tội của Cơ quan tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội, có thể tước đi hoặc hạn chế một số quyền về tự do thân thể hay các quyền khác của họ. Để bảo vệ quyền con người, những người bị buộc tội phải được có quyền chứng minh là mình vô tội hay trách nhiệm hình sự nhẹ hơn bằng các chứng cứ hoặc các tình tiết giảm nhẹ. Quyền chứng minh này gọi là quyền bào chữa. Trong trường hợp tự mình không thể thực hiện được quyền này, thì họ (người bị buộc tội) có quyền nhờ người khác bào chữa cho mình.

Tại khoản 1, điều 56, Bộ luật TTHS năm 2003 có qui định: Nhiều người (Luật sư, Luật gia, Bào chữa viên nhân dân ...) đều có thể tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo> Nhưng trong thực tế cho thấy Luật sư là người có nhiều kinh nghiệm, hiểu biết

nhiều về pháp luật; Luật sư cũng đóng vai trò quan trọng nhất trong việc bào chữa cho bị can, bị cáo. Việc luật sư tham gia tố tụng có tác dụng giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý, kiểm tra giám sát hoạt động điều tra, truy tố xét xử, đảm bảo quá trình giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan và đúng pháp luật. Trong tố tụng hình sự, Luật sư là người tham gia tố tụng hình sự được đặt bên cạnh người bị buộc tội như người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Quyền và nghĩa vụ của Luật sư luôn gắn liền với quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, Luật sư có nhiệm vụ bằng mọi cách theo qui định của pháp luật làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án và đưa ra những chứng cứ lý lẽ để gỡ tội cho thân chủ của mình; thực hiện nguyên tắc “Đảm bảo quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo” đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác. Chính vì vậy, có thể nói rằng trong TTHS, việc tham gia của Luật sư là rất cần thiết, nó có ý nghĩa cả về pháp lý, chính trị và xã hội. Xuất phát từ vấn đề này mà trong Hiến pháp, pháp luật của nước ta nói chung và pháp luật TTHS nói riêng luôn luôn có các qui định thể chế hóa quyền và nghĩa vụ của người bào chữa nói chung, Luật sư nói riêng.

Vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong hoạt động TTHS là rất quan trọng, cần thiết và được hiểu là quyền và nghĩa vụ của Luật sư khi tham gia vào quá trình giải quyết các vụ án hình sự từ giai đoạn khởi tố VAHS cho đến khi kết thúc thi hành án hình sự. Do đó nội dung này đã được qui định trong Bộ luật TTHS. Tuy nhiên, trên thực tế, địa vị pháp lý của Luật sư có được tôn trọng, vai trò của luật sư có được đề cao và đảm bảo hay không? Đang là những vấn đề mà những người hành nghề Luật sư và những nhà làm Luật trong cả nước hết sức quan tâm.

2.2.1. Thực trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của Luật sư trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

2.2.1.1. Tình hình tội phạm trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

- Khởi tố VAHS là việc Cơ quan chức năng có thẩm quyền sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm và xét thấy cần ra quyết định để điều tra, làm rõ nhằm xử lý nghiêm minh theo qui định của pháp luật.

- Theo qui định của BLTTHS năm 2003 tại khoản 1, Điều 58 thì, Luật sư được tham gia hoạt động bào chữa từ khi có quyết định khởi tố VAHS (Trừ trường hợp Pháp luật có qui định khác).

Bảng 2.3 Thống kê tình hình tội phạm trong giai đoạn khởi tố VAHS trong 5 năm(Từ 2011 – 2015)

Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
8.009	14.300	8.079	13.595	7.896	13.142	7.466	12.109	6.327	9.846

(Nguồn số liệu thống kê từ Viện KSND thành phố Hà Nội – Tháng 12/2016)

Phân tích các số liệu ở Bảng 2.3 trên ta thấy:

- Trong 5 năm (Từ 2011 đến 2015), các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội đã khởi tố tổng số: 37.777 vụ án với tổng số 62.992 bị can (Bình quân một năm khởi tố trên 7.000 vụ và trên 12.000 bị can).

- Về số vụ án hình sự khởi tố trong các năm từ 2011 đến 2015 có chiều hướng giảm dần (Từ 8.009 vụ năm 2011 xuống 7.896 vụ năm 2013; 7.466 vụ năm 2014 và 6.327 năm 2015). Riêng năm 2012 tăng hơn so với năm 2011 là 70 vụ.

- Về số đối tượng (Bị can) bị khởi tố theo các vụ án trong các năm từ 2011 đến 2015 có chiều hướng giảm dần và rõ rệt. Từ 14.300 bị can năm 2011 xuống 13.595 bị can năm 2012; xuống 13.142 bị can năm 2013; xuống 12.109 bị can năm 2014 và xuống còn 9.846 bị can năm 2015.

Nhận xét:

Số liệu về tình hình tội phạm trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự trong 5 năm (Từ 2011 đến 2015) trên cho thấy: Có sự biến chuyển bước đầu đáng ghi nhận ở thành phố Hà Nội về nhận thức pháp luật và tính hiệu quả của việc thực hiện Nghị quyết 48/NQ và Nghị quyết 49/NQ của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm

2020 ở nước ta – Trong đó có việc chỉnh sửa, bổ sung những qui định mới trong Bộ luật TTHS năm 2015.

Các Cơ quan tiến hành tố tụng ở giai đoạn khởi tố Điều tra của thành phố Hà Nội đã có nhiều cố gắng trong thực thi chức năng, quyền hạn của mình. Trước tình hình hội nhập của một nền kinh tế thị trường đầy biến động ở trong nước, khu vực và quốc tế ... việc duy trì một trật tự kinh tế - xã hội tương đối ổn định mà trong đó lại làm giảm được tình hình tội phạm ở số liệu khởi tố Điều tra như trên là sự cố gắng rất cao; thể hiện sự nhận thức và hành động đúng với chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn phát triển hội nhập hiện nay.

2.2.1.2. Tình hình Luật sư tham gia ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ do Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Đoàn luật sư thành phố Hà Nội cung cấp, trong thời gian 5 năm (từ 2011 đến 2015), tình hình các vụ án hình sự được khởi tố và có Luật sư – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội tham gia như sau:

Bảng 2.4 Thống kê, phân tích các vụ án có Luật sư tham gia ở giai đoạn khởi tố VAHS trong 5 năm (Từ 2011 – 2015)

Số TT	Năm	Số VAHS được khởi tố	Số VAHS có Luật sư tham gia	Tỷ lệ % số VA có Luật sư tham gia/Tổng số vụ án được khởi tố
01	2011	8.009	126	1,57%
02	2012	8.079	183	2,26%
03	2013	7.896	245	3,10%
04	2014	7.466	198	2,60%,
05	2015	6.327	227	3,60%

(Nguồn số liệu cung cấp từ VKSND thành phố và Đoàn Luật sư TP Hà Nội – Tháng 12/2016)

Phân tích Bảng 2.4 ta thấy:

+ Số các vụ án và số bị can bị khởi tố có chiều hướng giảm dần – nhất là số các bị can bị khởi tố. Từ 8.009 vụ (năm 2011) xuống còn 6.327 vụ (năm 2015), giảm 78%

và từ 14.300 bị can (năm 2011) xuống còn 9.846 bị can (năm 2015), giảm 68%). Riêng số Luật sư tham gia có chiều hướng tăng lên: Từ 126 Luật sư (năm 2011) tăng lên 227 Luật sư (năm 2015).

2.2.2. Thực trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội

Nhận thức về hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra:

Điều tra VAHS là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng của các Cơ quan chức năng có thẩm quyền theo trình tự và các bước chặt chẽ được qui định trong Bộ luật TTHS. Luật sư có thể được tham gia hoạt động TTHS trong những bước và giai đoạn nhất định.

Hầu hết các hoạt động của tội phạm được xác minh và làm rõ trong quá trình Điều tra. Theo qui định của pháp luật TTHS hiện hành thì, luật sư được tham gia vào giai đoạn Điều tra của VAHS với vai trò là người bào chữa (Khoản 2, Điều 58-BLTTHS) cho người bị tạm giữ, bị can hoặc các quyền của Luật sư với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (khoản 2, Điều 59-BLTTHS).

Điều 48-BLTTHS năm 2003 qui định: “*Người bị tạm giữ, người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ*”.

Bộ luật TTHS, tại Điều 49 qui định: “*Bị can là người bị khởi tố về hình sự và tham gia tố tụng từ khi có quyết định khởi tố bị can; bị can sẽ tham gia vào các giai đoạn Điều tra, truy tố và một phần giai đoạn xét xử sơ thẩm. Tư cách tố tụng của bị can chấm dứt khi Cơ quan Điều tra đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đối với bị can hoặc Tòa án tự quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyền của bị can được qui định tại khoản 2, Điều 49-BLTTHS năm 2003*”.

Điều tra hình sự là giai đoạn Cơ quan Điều tra, cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các biện pháp theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, đảm bảo tính khách quan trong công tác điều tra; đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị khởi tố.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 cũng qui định cho phép Luật sư tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người qui định tại Điều 81, Điều 92 Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật Điều tra đối với tội xâm phạm An ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện Kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc Điều tra.

Trong số những người tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa thì Luật sư là người có trình độ, kiến thức pháp luật chuyên sâu, có kinh nghiệm trong hoạt động bào chữa và là người góp phần bảo đảm khách quan hơn của hoạt động điều tra.

Trên thực tế, những người bị tạm giữ, bị can chưa nhận thức đầy đủ việc phải nhờ Luật sư bảo vệ cho mình; một bộ phận khác cũng có thể nhận thức việc cần thiết phải nhờ Luật sư bảo vệ, tuy nhiên lại không có điều kiện để thực hiện, vì không biết được phải nhờ Luật sư nào bào chữa cho mình trong khi đang bị tạm giữ, tạm giam.

Bộ luật TTHS khoản 1, Điều 57 qui định: “Người bào chữa do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc đại diện hợp pháp của họ lựa chọn”. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều vướng mắc. Cụ thể là, khi một người đang bị tạm giữ hoặc bị can, bị cáo đang bị tạm giam thì khó tiếp cận với Luật sư mà phải nhờ người nhà nhờ Luật sư bào chữa và Đơn yêu cầu đó phải được người bị tạm giữ, tạm giam đồng ý thì Luật sư mới được chấp nhận là đủ Điều kiện để được xem xét cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”.

Trong giai đoạn Điều tra, hoặc hoạt động nói chung của Luật sư và Cơ quan Điều tra đều hướng tới mục đích là xác định sự thật khách quan của vụ án; đảm bảo các chứng cứ của vụ án được Điều tra, thu thập một cách đầy đủ, đảm bảo cho bị can được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Sự tham gia của Luật sư trong giai đoạn Điều tra không là cản trở công tác Điều tra vụ án của Điều tra viên; trái lại hoạt động của Luật sư thúc đẩy, bổ sung cho hoạt động Điều tra. Sự có mặt của Luật sư bào chữa khi Cơ quan Điều tra, Điều tra viên hỏi cung bị can sẽ hạn chế, không xảy ra tình trạng bức, mớm cung, nhục hình và các sai sót khác, đảm bảo tính khách quan của hoạt động Điều tra.

Bổ sung cho các qui định nêu trên của Bộ luật TTHS, Bộ Công an đã ra Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an, qui định, hướng

dẫn chi tiết việc thi hành các qui định của Bộ luật TTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự là một bước chuyển biến quan trọng tạo được sự thuận lợi nhất định cho Luật sư trong quá trình hành nghề - nhất là trong giai đoạn tham gia hoạt động bào chữa. Tuy nhiên, trên thực tế trong quá trình thực hiện, vẫn còn đó những vướng mắc trong việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” đối với Luật sư trong giai đoạn Điều tra, thủ tục liên quan đến người bào chữa không rõ ràng. Cụ thể:

Thông tư 70/2001/TT-BCA ngày 10/10/2011 của Bộ Công an, tại khoản 2, Điều 4 qui định: “Trường hợp người bị tạm giữ, bị can chưa nhờ người bào chữa thì ngay lần đầu lấy lời khai người bị tạm giữ, phải hỏi bị can có nhờ người bào chữa không và phải ghi ý kiến của họ vào biên bản. Nếu người bị tạm giữ, bị can, người đang bị giam nhờ người bào chữa thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều này”.

Trong thực tế, qua nghiên cứu các hồ sơ vụ án hình sự của Cơ quan chức năng thấy: ở giai đoạn này rất nhiều Biên bản hỏi cung bị can ghi là bị can không yêu cầu có Luật sư bào chữa. Nhiều trường hợp Điều tra viên hướng dẫn bị can viết giấy từ chối Luật sư. Phần lớn Luật sư chỉ được tiếp xúc với bị can ở giai đoạn điều tra hoặc gần kết thúc giai đoạn điều tra hoặc đã chuyển sang giai đoạn truy tố. Chính vì vậy, việc bảo đảm quyền bào chữa ở giai đoạn điều tra vụ án đối với bị can rất hạn chế.

Bộ luật TTHS năm 2003, tại điểm đ, khoản 2, Điều 58 qui định: Người bào chữa được thu thập đồ vật, tài liệu, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước. Tuy nhiên, pháp luật chưa có qui định cụ thể về việc giao nộp chứng cứ, tài liệu do Luật sư thu thập được và trong trường hợp thu thập được tài liệu, chứng cứ, đồ vật có lợi cho việc bào chữa nhưng lại không được cơ quan Điều tra chấp nhận, vì tài liệu, đồ vật, chứng cứ đó thu thập không đúng trình tự pháp luật qui định. Các chứng cứ này trong giai đoạn điều tra thường không được đề cập đến. Vì vậy, trong quá trình xét xử phúc thẩm, nhiều bản án hình sự phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2.2.2.1. Tình hình Luật sư tham gia ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Theo số liệu từ Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cung cấp: Trong thời gian 5 năm (Từ 2011 đến 2015) các cơ quan chức năng của thành phố đã tiến hành khởi tố Điều tra tổng số: 37.777 vụ án hình sự với: 62.992 bị can. Bình quân mỗi năm, Cơ quan chức năng thành phố phải khởi tố Điều tra trên 7.000 vụ và trên 12.000 bị can. Trong đó, các Luật sư tham gia bào chữa ở giai đoạn này là: 8.120 vụ, chiếm tỷ lệ 21,5%; số vụ án khởi tố Điều tra không có Luật sư là: 29.657 vụ, chiếm tỷ lệ: 78,5%.

***Bảng 2.5 Thống kê, phân tích tình hình tội phạm
trong giai đoạn Điều tra VAHS (Từ 2011 – 2015)***

Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
8.009	14.300	8.079	13.595	7.896	13.142	7.466	12.109	6.327	9.846

(Nguồn số liệu thống kê từ Viện KSND thành phố Hà Nội – Tháng 12/2016)

Qua thống kê việc tham gia hoạt động của Luật sư trong giai đoạn tố tụng hình sự ở thành phố Hà Nội cho thấy: Số lượng Luật sư tham gia từ giai đoạn Điều tra vụ án hình sự ở Hà Nội là rất thấp (thể hiện ở Bảng 2.6. dưới đây), trừ trường hợp các vụ án tham gia bào chữa theo chỉ định của các cơ quan chức năng (tương đối ổn định), nhưng hầu hết cũng không nằm trong giai đoạn “từ khi khởi tố bị can”. Hầu hết các Luật sư tham gia giai đoạn này đều có chung một nhận xét là bị phía cơ quan Điều tra và Điều tra viên cố tình gây khó dễ vì ngại rằng các Luật sư tham gia sớm vào vụ án sẽ gây khó cho quá trình Điều tra.

**Bảng 2.6 Thống kê, phân tích các vụ án có Luật sư tham gia
ở giai đoạn Điều tra VAHS(Từ 2011 – 2015)**

Số TT	Năm	Số VAHS Được khởi tố	Số VAHS có Luật sư tham gia			Tỷ lệ % số vụ có Luật sư/ Tổng số vụ án Điều tra
			TS vụ	Chỉ định	Mời	
01	2011	8.009	1.489	415	1.074	18,6%
02	2012	8.079	1.487	401	1.086	18,4%
03	2013	7.896	1.444	472	972	18,3%
04	2014	7.466	1.769	469	1.315	23,7%
05	2015	6.327	1.931	389	1.542	30,5%
	5 năm	37.777	8.120			8.120/ 37.777 = 21,5%

(Nguồn số liệu thống kê của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội – Tháng 12/2016)

Phân tích Bảng 2.6 ta thấy:

+ Trong thời gian 5 năm (từ 2011 đến 2015), các Cơ quan chức năng thành phố Hà Nội đã tiến hành khởi tố: 37.777 vụ với: 62.992 bị can

+ Số Luật sư tham gia hoạt động bào chữa trong giai đoạn này, kể cả số chỉ định và số mời đều có chiều hướng tăng lên: (Năm 2011, số vụ án hình sự được khởi tố là: 8009 vụ với 14.300 bị can và số Luật sư tham gia bào chữa là 1.489. Bình quân 10 bị can có 01 bị can có Luật sư bào chữa. Năm 2015, số VAHS được khởi tố là: 6.327 vụ với: 9.846 bị can và số Luật sư tham gia bào chữa là: 1.931. Bình quân khoảng 5 bị can, có 01 bị can có Luật sư bào chữa).

Về thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” và giao nộp tài liệu, chứng cứ:

Hoạt động xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” được coi là khâu đầu tiên, mở màn để Luật sư được tham gia các hoạt động tố tụng theo qui định của pháp luật. Và, đây cũng là khâu Luật sư gặp phải không ít khó khăn từ phía cơ quan Điều tra

và các Điều tra viên. Mặt khác, mặc dù Bộ luật TTHS và một số Thông tư hướng dẫn về việc này đã được ban hành và đi vào thực hiện, nhưng trên thực tế, việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” này còn nhiều bất cập ngay từ các qui định. Cụ thể:

- Chưa qui định cụ thể việc người tiếp nhận thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” phải ký nhận các giấy tờ, thủ tục để làm căn cứ tính thời hạn việc cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Luật sư theo qui định của BLTTHS khoản 4, Điều 56; khoản 3, Điều 27 – Luật Luật sư. Hiện nay, để tiếp cận làm thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” Luật sư thường và chỉ có cách duy nhất là liên hệ xác định Điều tra viên thụ lý vụ án mà mình có bị can đang phải theo bào chữa để hẹn gặp và giao nộp các thủ tục giấy tờ theo qui định; nhưng việc giao nộp các thủ tục này giữa Luật sư và Điều tra viên không có một thủ tục giấy tờ gì để làm căn cứ cho việc tính thời hạn cấp giấy; Cơ quan Điều tra cũng chưa có loại mẫu nào để tiếp nhận thủ tục này.

- Về qui định các loại giấy tờ phải có để được cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” cũng không thống nhất trong quá trình thực hiện. Mặc dù Luật Luật sư, tại khoản 2, Điều 27 đã qui định rất rõ các loại giấy tờ Luật sư phải xuất trình; nhưng trên thực tế tùy theo yêu cầu của Cơ quan Điều tra và Điều tra viên mà Luật sư buộc phải bổ sung các giấy tờ khác theo yêu cầu (Như: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; chứng chỉ hành nghề Luật sư ..) Theo đó, Luật sư thường nộp kèm bản sao “Thẻ Luật sư” để Cơ quan tiến hành tố tụng lưu giữ. Tuy nhiên, một số Cơ quan Điều tra, Điều tra viên lại yêu cầu các bản sao đều phải được chứng thực “Sao y bản chính”(Không quá 6 tháng) ...v.v. Những yêu cầu, đòi hỏi phải nộp thêm các loại giấy tờ như kể trên lẽ ra phải chấm dứt từ khi Luật Luật sư ra đời và có hiệu lực. Nhưng trên thực tế, Luật sư phải nộp “Thẻ Luật sư” có chứng thực thì vẫn thường xuyên được coi là “Bất di, bất dịch” ở mọi Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đây thực sự là “Luật bất thành văn” là yêu cầu vô lý, trái với qui định của Luật Luật sư. Vì: Theo qui định tại Điều 27 Luật Luật sư thì Luật sư chỉ cần xuất trình “Thẻ Luật sư” kèm theo các giấy tờ liên quan để được cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”.

- Về thời hạn cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”:

Hiện nay, thời hạn cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” của các cơ quan tiến hành tố tụng – Nhất là Cơ quan Điều tra, thường xuyên là chậm so với qui định tại Điều 56 – BLTTHS và Điều 127 – Luật Luật sư mà Luật sư không có căn cứ để khiếu nại theo qui định tại Chương XXXV – BLTTHS, vì lý do: Hầu hết toàn bộ việc giao nhận thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” khi Luật sư giao cho ĐTV đều không có thủ tục ký nhận.

Để khắc phục tình trạng trên, một số Luật sư đã dùng biện pháp chuyển các thủ tục giấy tờ xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” qua đường Bưu điện để dựa vào “nhật ấn” của Bưu điện nhằm làm căn cứ để xác định ngày Luật sư nộp thủ tục, nhưng thủ tục này cũng không hiệu quả vì có nhiều trường hợp khi được chất vấn, khiếu nại thì các cơ quan tiến hành tố tụng trả lời là không nhận được thủ tục ... còn lý do thì có nhiều cách trả lời khác nhau.

Về qui định: Luật sư “Có mặt khi lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can ..”:

Nội dung Điều Luật qui định “Luật sư được xem các Biên bản hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình ...” và “được hỏi ..” nhưng với điều kiện “Nếu được Điều tra viên đồng ý”. Chính với các qui định này đã hạn chế vai trò của Luật sư trong các buổi làm việc hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người bị tạm giữ và cũng là lý do để các Điều tra viên “vô hiệu hóa” Luật sư trong giai đoạn này.

Mặt khác, qui định tại điểm a, khoản 2, Điều 58 (Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa) nêu trên cũng chưa tạo sự chủ động của Luật sư trong việc xác minh thu thập, cung cấp tài liệu chứng cứ gỡ tội cho người bị tạm giữ, bị can.

Tình trạng trên có 2 nguyên nhân, đó là Qui định của Pháp luật TTHS chưa rõ ràng, hai nữa là do trình độ nhận thức của một bộ phận cán bộ Điều tra viên trong Cơ quan Điều tra còn có những hạn chế nhất định, chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò của Luật sư trong tham gia tố tụng; đó là một mặt bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can ... nhưng mặt khác là giúp chính Cơ quan tố tụng phát hiện ra những hạn chế, thậm chí là sai phạm để hoàn thiện, bổ sung mình. Chính không nhận thức đúng như vậy nên các Điều tra viên thường gây khó khăn trong việc

cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” cho Luật sư và gây khó khăn trong việc tạo Điều kiện để Luật sư tham gia các buổi hỏi cung bị can.

Tác giả Đề tài xin được nêu 03 ví dụ để minh họa cho nhận định trên, như sau

Ví dụ 1: **Từ chối không cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”** (Vụ tham ô 36 tỷ ở Công trình dự án Khu đô thị VinPearl tại Thị xã Cửa Lò – Nghệ An, xảy ra năm 2012, do 02 nữ đối tượng được mệnh danh là “Hai bóng Hồng xứ Nghệ” gây ra).

Sau một thời gian bỏ trốn, 2 bị can đã bị bắt (tại thành phố Bắc Ninh – khi đang lẩn trốn ở nhà một người bạn) và tạm giam tại Trại tạm giam CAT Nghệ An để phục vụ công tác Điều tra. Nhận được yêu cầu của người nhà (Em ruột của 1 đối tượng chính) làm việc ở Hà Nội; Luật sư đã làm đầy đủ các thủ tục cần thiết vào CAT Nghệ An để đề nghị cấp Giấy CN người bào chữa theo qui định. Khi biết có Luật sư Hà Nội vào – theo lãnh đạo Cơ quan CSĐT – CAT Nghệ an cho biết: ĐTV thụ lý chính vụ án (Lúc ấy đang hỏi cung bị can trong trại tạm giam) đã bằng biện pháp nào đó, cuối cùng, đầu giờ chiều hôm ấy cũng mang về và đưa ra trước Luật sư một văn bản “Từ chối Luật sư” do chính bị can viết và ký (Có xác nhận của Giám thị Trại tạm giam)

Mặc dù biết là có sự tác động và vận dụng “thủ thuật” của ĐTV, song Luật sư đành “bó tay” vì khi chưa được cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” thì Luật sư chưa thể tiếp xúc với người bị tạm giữ, bị can để làm rõ sự thật việc “từ chối” này. Hơn nữa, theo qui định của pháp luật thì, mặc dù được thân nhân, người nhà của người bị tạm giữ, bị can mời nhưng vẫn phải được sự đồng ý chấp nhận của chính bản thân người bị tạm giữ, bị can ... thì Cơ quan Điều tra mới cấp “Giấy chứng nhận”. Tiến bộ hơn Bộ luật TTHS năm 2003 có Bộ luật TTHS năm 2015, về lĩnh vực này Bộ luật 2015 không qui định phần phải được sự đồng ý của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo ... Tuy nhiên, khi tác nghiệp, Cơ quan Điều tra đã thực hiện kiểu “tân – cổ giao duyên” vẫn yêu cầu Luật sư phải “chờ để hỏi người bị tạm giữ, bị can” là có đồng ý thuê Luật sư hay không? Nếu thuê Luật sư thì có đồng ý thuê Luật sư mà người thân đã mời đó hay không? ...v.v. và ...v.v... và đó cũng chính là lý do để ĐTV, Cơ quan Điều tra kéo dài thời hạn cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”. Tác giả sẽ dẫn chứng ở ví dụ sau.

Phải nói thêm rằng: Trong quá trình trao đổi, vị ĐTV này còn thô lỗ: Trước đây học 7 năm tại Liên – Xô, tốt nghiệp ĐH Luật Mat-xcơ-va; bằng của anh ta cũng có giá

trị như “Bằng Luật sư”(?) và hiện anh ta cũng là “Luật sư”(Theo nhận thức của vị ĐTV). Chính vì vậy, vị ĐTV này đã nói với bị can trong vụ án trên là “Tôi là ĐTV đang thụ lý vụ án nhưng tôi cũng đang là “Luật sư” rồi, các cô (bị can) còn phải thuê Luật sư nào nữa???

Ví dụ 2: **Không cấp Giấy CN người bào chữa** cũng với lý do “Bị can từ chối Luật sư” (Cơ quan CSĐT – CAT HÀ Tĩnh) vụ Mai Đình Bằng (TG xin thay Họ, tên thật của người bị buộc tội).

Vụ án xảy ra vào tháng 6/ 2013 và đã được Cơ quan CSĐT - CAT Hà Tĩnh khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam bị can để phục vụ công tác điều tra về tội “Vu khống” theo Điều 122 – BLHS.

Bị can nguyên là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội. Nội dung tóm tắt vụ án như sau: Luật sư Mai Đình Bằng thông qua quan hệ, được một số khách hàng thuộc Hợp tác xã Thương binh 27/7 thành phố Hà Tĩnh nhờ hướng dẫn, tư vấn về chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng phần đất của Hợp tác xã bị thu hồi khi Chính phủ có quyết định thực hiện thi công bước 2 phần mở rộng đường Quốc lộ 1 đoạn qua thành phố Hà Tĩnh. Luật sư Mai Đình Bằng (Lúc đó) đã ký Hợp đồng DVPL và Tư vấn pháp luật miễn phí với Hợp tác xã Thương binh 27/7 thành phố Hà Tĩnh; hướng dẫn số thương binh thuộc HTX 27/7 thị xã Hà Tĩnh làm đơn kiến nghị đòi xem xét lại mức bồi thường phần đất của HTX thuộc diện giải phóng mặt bằng làm đường Quốc lộ 1A qua TX Hà Tĩnh nói trên. Theo thông tin nắm được, trong Đơn kiến nghị của HTX Thương binh 27/7 (Bản thảo) có bút tích được cho là của Luật sư Mai Đình Bằng, trong đó có nội dung tố cáo tiêu cực của một số cán bộ của một số Ban, ngành của Tỉnh Hà Tĩnh.

Khi Luật sư từ Hà Nội (chính tác giả của Đề tài) vào CAT Hà Tĩnh liên hệ để xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” (thời điểm đó đã qua hơn 1 tháng bị can bị bắt và tạm giam). Sau 3 ngày nộp đầy đủ các thủ tục giấy tờ và chờ đợi; CAT Hà Tĩnh (PC44) không cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” cho Luật sư với một số lý do không cụ thể (Do công việc bận, chưa có lịch vào trại tạm giam để hỏi cung bị can ...) và cũng không khẳng định bao giờ mới cấp (Có lẽ do biết khoảng cách đường xá giữa Hà Nội và Hà Tĩnh xa xôi chắc Luật sư không thể “dài hơi” chờ đợi được).

Một tuần (sau khi trở về Hà Nội), Luật sư nhận được (qua đường Bưu điện) văn bản từ chối việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” của PC44 – CAT Hà Tĩnh,; trong đó có nêu lý do: “Bị can từ chối Luật sư”. Luật sư liên lạc vào CAT Hà Tĩnh và chất vấn Điều tra viên: “Văn bản, bút tích thể hiện bị can từ chối Luật sư đâu”? Trả lời “Thể hiện ở Biên bản hỏi cung bị can” (*Trong giai đoạn đang Điều tra, Luật sư chưa được tiếp cận Hồ sơ. Như vậy chỉ có Cơ quan Điều tra và Điều tra viên mới biết*). Thực tế là, toàn bộ sự việc bị bung bít và không thể có chuyện bị can từ chối Luật sư – Nhất là việc Luật sư là người quen biết của bị can và từ Hà Nội vào.

Sau này, khi được tự do qua phiên tòa phúc thẩm và được hưởng án treo; Luật sư Mai Đình Bằng cho biết: Không có một thông tin gì về sự can thiệp của Luật sư (Tác giả) trong thời gian Luật sư Mai Đình Bằng bị tạm giam tại Trại tạm giam CAT Hà Tĩnh để điều tra.

Ví dụ 3. “Vô hiệu hóa” Luật sư đang tham gia bào chữa cho bị can trong vụ án bằng việc khởi tố bị can thêm một tội danh khác:

Vụ Tham ô tài sản 15 triệu đồng, xảy ra tại UBND xã An Vỹ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; bị can là Trần Văn Hòa (Khởi tố tại ngoại), sinh năm 1968, nguyên CT UBND xã An Vỹ, huyện Khoái Châu, Hưng Yên. Năm 2014, TAND huyện Khoái Châu tuyên phạt bị cáo Trần Văn Hòa 36 tháng tù. Tòa Phúc thẩm Hưng Yên tuyên hủy án Sơ thẩm chuyển trả Hồ sơ yêu cầu điều tra, xét xử lại từ đầu. CAH Khoái Châu cấp giấy CN người bào chữa cho Luật sư tham gia bào chữa cho bị can Trần Văn Hòa phạm tội “Tham ô tài sản”. Sau hơn 2 tháng “Điều tra lại” CAH Khoái Châu, trong một buổi triệu tập bị can lên hỏi cung đã bất ngờ công bố Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can Trần Văn Hòa về tội “Cố ý làm trái các qui định về quản lý kinh tế của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng (Theo Điều 165- BLHS) và ra lệnh “Bắt tạm giam” bị can để điều tra.

Các thủ tục tố tụng trên đã được cho bị can đọc, ký sau đó thu lại (bị can vào trại, mang làm gì?); người nhà không được nhận. Khi Luật sư tiếp cận đòi gặp bị can, người bị tạm giữ (đang là thân chủ của mình) thì ĐTV ngăn cản với lý do: Cơ quan CSĐT - CAH cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” trước đây lúc đó bị can bị khởi tố về tội “Tham ô tài sản” thì Luật sư chỉ có quyền bào chữa cho bị can trong vụ tham ô tài sản. Nay Cơ

quan CSĐT khởi tố, bắt tạm giam bị can về tội khác, tội “Cố ý làm trái các qui định của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng” không có liên quan đến vai trò của Luật sư, nên Luật sư không được tiếp cận, tham gia tố tụng hình sự. Muốn tham gia, lại phải làm thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” khác.

Như vậy, mặc dù đã cấp giấy CN người bào chữa cho Luật sư để bào chữa cho bị can đó, nhưng Cơ quan Điều tra – CAH Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vẫn cố ý bằng mọi cách ngăn cản thậm chí “Vô hiệu hóa” vai trò của Luật sư. Và, chỉ đến khi không thể khác được (Bị can kiên quyết không hợp tác làm việc) lúc đó (sau đúng 10 ngày, từ 01/03 đến 10/03/2015) Cơ quan Điều tra –CAH Khoái Châu mới chấp nhận Luật sư đến để làm thủ tục cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” để Luật sư thực hiện chức năng bào chữa cho bị can Trần Văn Hòa, dưới hình thức ra quyết định nhập 2 vụ án làm 1.

Quá trình thực hiện chức năng bào chữa, Luật sư đã 8 lần vào Trại tạm giam – CAT Hưng Yên cùng ĐTV hỏi cung bị can. Cũng như trong việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” việc để Luật sư có mặt trong các buổi hỏi cung có lẽ cũng là rất miễn cưỡng theo kiểu “Cực chẳng đã”. Cả 8 lần vào trại tạm giam, gần như ĐTV không để cho Luật sư có cơ hội để hỏi bị can. Lý do và tạo có thì có nhiều, ví dụ: Hỏi từ đầu giờ đến hết giờ vẫn chưa hết nội dung cần hỏi theo kế hoạch hỏi; khi Luật sư đề nghị rút kinh nghiệm để bố trí thời gian cho Luật sư hỏi thì ĐTV khất đến buổi làm việc sau; lần hỏi sau theo ĐTV cho biết – đường xa (Hà Nội – Hưng Yên) nên bố trí lịch hỏi cung cả ngày, nhưng đến hết giờ làm việc buổi sáng thì bất ngờ có điện báo và ĐTV cho biết: “Chiều phải về đơn vị họp”; rồi thì ... “Lại có lệnh triệu hồi đột xuất của Sếp” phải về đơn vị ngay ... Qua vài lần như vậy, Luật sư kiến nghị được hỏi bị can; ĐTV nói: “Khi nào sắp xếp được đã”. Có lẽ ĐTV đã đúng và có lẽ chính lỗi lại là do Luật tố tụng hình sự qui định “... nếu được ĐTV đồng ý thì được hỏi ...”.

Phải nói thêm rằng: Đây là một vụ án không lớn, nhưng tính chất lại hết sức phức tạp do có vấn đề cá nhân trong nội bộ Đảng ủy, UBND xã An Vỹ, huyện Khoái Châu nhưng quan trọng mấu chốt vẫn là sự “chụp mũ” của lãnh đạo CAH Khoái Châu và có cá nhân lãnh đạo CAT Hưng Yên. Khi đi sâu xem xét chứng cứ trong Hồ sơ đề nghị truy tố bị can Trần Văn Hòa của CAH Khoái Châu về tội “Cố ý làm trái ...”

CAH Khoái Châu đã tổng hợp đưa ra số liệu: Trong 3 năm (từ 2012 đến 2014) bị can Trần Văn Hòa với vai trò Chủ tịch UBND xã An Vỹ, đồng thời là chủ Tài khoản đã duyệt chi sai nguyên tắc, gây thiệt hại cho ngân sách của xã là 328.000.000 đồng.

CAH Khoái Châu căn cứ Điều 165 (Tội Cố ý làm trái ...) – BLHS năm 1999, khoản 1 qui định: *“Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các qui định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây thiệt hại từ 100 triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng, hoặc dưới một trăm triệu đồng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ một năm đến năm năm”*.

Thực tế, khi Luật sư phân tích, bóc tách trên 1000 chứng từ thu – chi của UBND xã An Vỹ trong 3 năm, thì con số chỉ những khoản (có thể chưa hoàn toàn đúng) trong 3 năm cũng chỉ khoảng 58 triệu đồng. Để an toàn, Luật sư cho cộng thêm cả những chứng từ mà theo CAH Khoái Châu qua xác minh điều tra cho là “chi sai nguyên tắc”, thì số tổng thể cũng chỉ khoảng 80 triệu đồng (tức là vẫn dưới 100 triệu đồng, chưa đạt đến “ngưỡng” hình sự). Để củng cố cho vấn đề này, Luật sư tiến hành xác minh tại Kho Bạc huyện Khoái Châu và Phòng Tái chính huyện Khoái Châu; hai đơn vị này đều khẳng định UBND xã An Vỹ không vi phạm gì về việc sử dụng và thu – chi ngân sách; các chuyên gia có trách nhiệm được phân công ở hai cơ quan chức năng trên đều khẳng định đã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thu – chi ngân sách của UBND xã An vỹ; chưa phát hiện sai phạm gì.

Trên cơ sở đó, trước khi Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử bị can Trần văn Hòa, Luật sư đã làm việc và có văn bản kiến nghị Viện Kiểm sát, đồng gửi lên TAND huyện Khoái châu yêu cầu hủy quyết định khởi tố và truy tố bị can Trần Văn Hòa về tội “Cố ý làm trái ...”.

Trước đó, Luật sư cũng đã có kiến nghị với CAH Khoái Châu về việc yêu cầu hủy quyết định khởi tố bị can Trần Văn Hòa về tội danh này, nhưng không được CAH Khoái Châu chấp nhận.

Trong phiên Tòa xét xử sơ thẩm, Viện KSND huyện Khoái Châu đã rút truy tố bị can tội “Cố ý làm trái”, vì không đủ căn cứ pháp lý; Điều đó càng chứng tỏ việc “Cố đấm” nhưng “Xôi lại hồng” của Cơ quan CSĐT - CAH Khoái Châu trong vụ án trên;

Điều đó cũng thể hiện việc hạn chế trong nhận thức về pháp luật tố tụng nói riêng và tư duy về Pháp luật nói chung của ĐTV và Cơ quan CSĐT - CAH Khoái Châu.

Cũng vẫn là khoản 4 của Điều 56 trên, nêu qui định: “Đối với trường hợp tạm giữ người, thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa ... Cơ quan Điều tra phải xem xét cấp giấy CN người bào chữa ...”. Qui định này rất khó thực hiện, vì theo qui định tại khoản 1, Điều 87 – BL TTHS thì: “Thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày, kể từ ngày cơ quan Điều tra nhận người bị bắt”. Nếu đối chiếu với thực tế thì, Luật sư chưa được cấp giấy CN Bào chữa thì người bị tạm giữ đã hết thời hạn tạm giữ

Do đó, tác giả Đề tài cho rằng cần bổ sung, chỉnh sửa khoản 4, Điều 56 – BL TTHS năm 2003 như sau: *“Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người bào chữa kèm theo các giấy tờ: Thẻ Luật sư (phô tô), Giấy giới thiệu, Đơn mời Luật sư của người bị tạm giữ, bị can hoặc người nhà của họ. Cơ quan Điều tra, Viện KS, TA phải xem xét, cấp Giấy CN bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa thì phải nói rõ lý do bằng văn bản và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Đối với trường hợp tạm giữ người thì ngay sau khi làm thủ tục tiếp nhận người bị bắt, Cơ quan Điều tra phải tạo Điều kiện để họ trực tiếp (hoặc thông qua người nhà) liên lạc với Luật sư. Khi Luật sư tiếp cận, Cơ quan Điều tra có thể chấp nhận cho họ việc xuất trình “Thẻ Luật sư” để tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ; thủ tục cấp Giấy CN Người bào chữa vẫn được tiến hành đồng thời (Kể cả trong trường hợp cần gia hạn tạm giữ).

Ví dụ 4:: Cố tình gây khó dễ và kéo dài thời gian việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”

Vụ Lưu Thị Thoa (Tác giả đã đổi tên khác), sinh năm 1974, ở phường Phú Diễn, quận Nam Từ Liêm – Hà Nội; tháng 6/2016, bị CAQ Nam Từ Liêm, Hà Nội khởi tố và bắt tạm giam để điều tra về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 – BLHS. Vì giá trị chiếm đoạt được xác định trên 500 triệu đồng nên sau 4 tháng tạm giam, CAQ Nam Từ Liêm đã chuyển hồ sơ và bị can lên PC44 (VP Cơ quan CSĐT-CATP Hà Nội) để điều tra theo chức năng, thẩm quyền. Lúc này gia đình mới tìm đến Luật sư để đề nghị được cung

cấp Dịch vụ pháp lý bào chữa cho người nhà là bị can Lưu Thị Thoa. Ngày 26/10/2016, Luật sư nộp các thủ tục tại Trục ban (không được tiếp xúc với ĐTV thụ lý khi chưa có giấy chứng nhận người bào chữa), ngày 02/11 CHĐ đề xuất và ngày 07/11 Thủ trưởng Cơ quan CSĐT mới ký và 10/11/2016 (Sau đúng 15 ngày, từ khi nộp đầy đủ các thủ tục) Luật sư mới được giao “Giấy chứng nhận người bào chữa”.

2.2.3. Hoạt động của Luật sư – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội với vai trò là “Cộng tác viên” thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp Hà Nội

Trợ giúp Pháp lý là hoạt động mang tính nhân đạo và ưu việt cao đẹp của xã hội ta; nhằm đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước đi sâu vào cuộc sống tới mọi tầng lớp, đối tượng trong xã hội – nhất là với đối tượng chính sách; với mục đích: Xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa; đảm bảo quyền lợi cho những cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt: Người già, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người có công với Cách mạng ... và đảm bảo công bằng xã hội.

Bảng 2.7 Hoạt động của Luật sư – Đoàn Luật sư TP Hà Nội với vai trò là “CTV” của Trung tâm TGPL Nhà nước, tham gia trợ giúp pháp lý – Bào chữa trong các VAHS (Từ 2011 đến 2015)

Năm	QĐ cử Luật sư tham gia TTHS		Số đối tượng CS và thành phần đối tượng Chính sách được hưởng trợ giúp pháp lý					
	Tổng số QĐ	Số VAHS	T.Số đối tượng CS	Trong đó				
				Chưa thành niên	Người khuyết tật	Người có công	Người nghèo	Khác
2011	204	288	341	305	20	04	12	00
2012	236	151	373	323	07	23	20	00
2013	311	412	510	429	30	09	07	35
2014	227	329	366	280	50	12	10	14
2015	209	285	357	253	55	26	15	08
Tổng 5 năm	1.187	1.465	1.947	1.590	162	64	74	57

(Nguồn số liệu thống kê của Trung tâm TGPL Nhà nước – Sở Tư pháp TP Hà Nội, tháng 12/2016)

Theo thông tin từ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp TP Hà Nội cung cấp: Tính đến 31/12/2006, số Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội tham gia là Cộng tác viên (CTV) trợ giúp pháp lý (TGPL) của Trung tâm TGPL – Sở Tư pháp TP Hà Nội là: 228 người.

Thực hiện Thông tư Liên tịch số 10/2007 và Thông tư số 11/2013/BTP-BCA-BQP-BTC-VKSND TC-TAND TC của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện KSND Tối cao, Tòa án ND Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số qui định về **“Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng”**; Trong thời gian 5 năm (Từ 2011 đến 2015), Trung tâm TGPL Nhà nước – Sở Tư pháp Hà Nội đã ra 1.187 quyết định cử Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội tham gia 1.465 vụ án hình sự; thực hiện việc trợ giúp pháp lý, bào chữa cho 1.987 bị can là các đối tượng chính sách, gồm: 1.590 người chưa thành niên; 162 người khuyết tật; 74 người có công với Cách mạng; 64 người thuộc diện nghèo và 57 người thuộc các thành phần khác. Cụ thể:

- Năm 2011: Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Hà Nội đã ra quyết định giao cho 204 Luật sư tham gia 288 VAHS với tổng số 341 bị can là các đối tượng chính sách (Gồm: 305 người chưa thành niên; 20 người khuyết tật; 12 người nghèo và 04 người có công).

- Năm 2012: Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Hà Nội đã ra quyết định giao cho 236 Luật sư tham gia 151 VAHS với tổng số 373 bị can là các đối tượng chính sách (Gồm: 323 người chưa thành niên; 07 người khuyết tật; 20 người nghèo và 23 người có công).

- Năm 2013: Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Hà Nội đã ra quyết định giao cho 311 Luật sư tham gia 412 VAHS với tổng số 510 bị can là các đối tượng chính sách (Gồm: 429 người chưa thành niên; 30 người khuyết tật; 07 người nghèo; 09 người có công và 35 đối tượng thuộc thành phần khác).

- Năm 2014: Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Hà Nội đã ra quyết định giao cho 227 Luật sư tham gia 329 VAHS với tổng số 366 bị can là các đối tượng chính sách (Gồm: 280 người chưa thành niên; 50 người khuyết tật; 10 người nghèo; 12 người có công và 14 đối tượng thuộc thành phần khác).

- Năm 2015: Trung tâm TGPL Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Hà Nội đã ra quyết định giao cho 209 Luật sư tham gia 285 VAHS với tổng số 357 bị can là các đối tượng chính sách (Gồm: 253 người chưa thành niên; 55 người khuyết tật; 15 người nghèo; 26 người có công và 08 đối tượng thuộc thành phần khác.

2.3. Những hạn chế, vướng mắc trong việc đảm bảo vai trò, chức năng hoạt động của Luật sư trong hoạt động tố tụng tại thành phố Hà Nội

Một là: Việc tham gia của Luật sư vào quá trình tố tụng vẫn gặp nhiều khó khăn trở ngại do một số Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng cản trở, chưa nhận thức đúng và tạo điều kiện cần thiết cho Luật sư thực hiện đầy đủ “quyền” của mình theo qui định của pháp luật.

Trong đó, khởi đầu vẫn là việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa”; việc đặt ra yêu cầu gần như là “không thể thiếu” đó là phải được sự đồng ý của người bị tạm giữ, bị can ... Nhưng thủ tục để lấy được chữ ký của người bị tạm giữ, bị can trong trại tạm giam để yêu cầu Luật sư thực hiện bào chữa cho mình ... thì còn rất phức tạp và không ai khác là chỉ có thể Điều tra viên mới lấy được; và để có được ý kiến và chữ ký của người bị tạm giữ, bị can thì phải có thời gian và phụ thuộc vào nhận thức, trách nhiệm và lòng nhiệt tình của Điều tra viên. Trong thực tế, nếu Điều tra viên có nhận thức đúng và có trách nhiệm thì việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” sẽ đáp ứng đúng theo qui định và ngược lại. Ngoài thủ tục, lý do “chờ đợi vào Trại hỏi ý kiến bị can” ... còn có các lý do như “Lãnh đạo đi họp vắng”, hoặc, “đã đề xuất rồi nhưng chưa thấy Chef ký” ... v.v. Đó là một trong những nguyên nhân mà Cơ quan Điều tra, Điều tra viên gây khó khăn, cản trở việc thực hiện chức năng tố tụng của Luật sư.

Hai là, trong quá trình tham gia hỏi cung bị can cùng Điều tra viên, lợi dụng qui định của Điều Luật “nếu được ĐTV đồng ý thì Luật sư được hỏi ...” Điều đó cũng có nghĩa là: Việc Luật sư có được hỏi hay không là do Điều tra viên quyết định và thực tế, Điều tra viên đã làm nhiều thủ thuật để Luật sư rất ít, thậm chí không có cơ hội để hỏi bị can, người mà mình đang thực hiện việc bào chữa trong giai đoạn Điều tra; đã làm hạn chế vai trò của Luật sư và hiệu quả của công tác bào chữa theo chức năng do Luật tố tụng hình sự qui định.

Ba là, do hiểu biết, nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ của nhiều cơ quan chức năng Nhà nước, Cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động tố tụng nên nhiều ý kiến, quan điểm nêu xuất của Luật sư trong quá trình tiến hành tố tụng – trong đó có giai đoạn Điều tra chưa được chấp nhận và coi trọng. Do đó, trong thực tế có nhiều kiến nghị của Luật sư về tội danh khởi tố, về trình tự, thủ tục bắt, khám xét; về công tác tạm giam, bảo lãnh, tại ngoại ...v.v. không được các Điều tra viên và Cơ quan Điều tra chấp nhận; sau đó đã để lại những hậu quả pháp lý đáng tiếc dẫn đến oan, sai hoặc ít nhất là những thiệt hại không chỉ là tinh thần mà còn cả bằng vật chất cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Hậu quả đó vẫn “không có chế tài” nào xử lý (*Vụ bắt, tạm giam Trần Văn Hòa ở xã An Mỹ của CAH Khoái Châu, Hưng Yên tội “Cố ý làm trái ...”, sau đó Viện KSND huyện đã rút truy tố tội này?*).

2.4. Nguyên nhân về những hạn chế, vướng mắc trong việc thể hiện vị trí, vai trò hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự ở thành phố Hà Nội

Một là: Nguyên nhân về Pháp luật

Những qui định của pháp luật Tố tụng hình sự hiện đã và đang phát huy hiệu lực trong thực tiễn của công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm; công tác điều tra, truy tố, xét xử ngày có hiệu quả một cao hơn. Tuy nhiên so với yêu cầu thì hoạt động tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng còn nhiều điều bất cập cần được thường xuyên bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 còn nhiều hạn chế. Cụ thể: Còn thiếu một số nguyên tắc cơ bản hoặc một số nguyên tắc đã có nhưng chưa phản ánh đầy đủ tư tưởng định hướng về cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế như: Nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc miễn tố, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc “quyền im lặng” của bị can mà không bị coi là “ngoan cố, không hợp tác” và không bị liệt vào việc “xem xét áp dụng tăng nặng hình phạt” ...

Đối với Luật Luật sư, mặc dù cũng đã được các nhà làm luật thể chế hóa nhiều điều, mục cụ thể để tạo ra một hành lang pháp lý cho hoạt động của Luật sư được thuận lợi. Tuy nhiên, còn một số điều qui định vẫn còn chung chung rất cần có qui định cụ thể hơn hoặc có hướng dẫn chi tiết để góp phần đưa Luật đi vào cuộc sống và để hiểu, thực hiện đúng. Cụ thể khoản 2, Điều 9 Luật Luật sư qui định: “Ng nghiêm cấm

cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động hành nghề của Luật sư”. Hoặc Điều 91 qui định về: Xử lý vi phạm đối với người có chức vụ, quyền hạn mà có hành vi cản trở Luật sư, tổ chức hành nghề thực hiện quyền, nghĩa vụ ...

Trên thực tế, “Nghiêm cấm ...” nhưng nếu họ vi phạm thì xử lý như thế nào, bằng chế tài gì? Và từ trước đến nay, việc vi phạm, gây khó khăn, cản trở ... của Cơ quan chức năng tiến hành tố tụng đã xảy ra nhiều và gần như ở vụ án hình sự nào Luật sư cũng gặp, nhưng có lẽ một điều ai cũng thừa nhận, đó là chưa có một công chức, cán bộ nhà nước nào bị kết tội hoặc bị xử lý vì hành vi xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của luật sư, cản trở, gây khó khăn, thậm chí cố tình “Vô hiệu hóa” Luật sư trong quá trình tác nghiệp bào chữa, bảo vệ cho bị can, bị cáo ...

Hoặc, có một nguyên nhân không thể không đặt vấn đề đến, đó là: Do Luật Luật sư quá thông thoáng nên không có qui định về: “Điều kiện đăng ký hoạt động hành nghề” về địa phương, khu vực nhất định của Luật sư. Do đó, các Luật sư có thể tùy chọn địa bàn để gia nhập Đoàn Luật sư và đăng ký hoạt động. Hơn nữa về những điều kiện như yêu cầu trụ sở, điều kiện vật chất của cá nhân, tổ chức... cũng không có qui định cụ thể .. dẫn đến tình trạng có một số Luật sư từ các tỉnh ngoài, địa phương khác coi các thành phố lớn như Hà Nội là mảnh đất hành nghề “béo bở” và trong thực tế một số Luật sư thuộc dạng này đã có những vi phạm về Đạo đức nghề nghiệp, bị Đoàn Luật sư đề nghị ra quyết định thu hồi thẻ Luật sư và khai trừ khỏi Đoàn, thậm chí đã có một vài trường hợp Luật sư vi phạm pháp luật đã bị cơ quan chức năng khởi tố, bắt tạm giam, truy tố ...

Hai là: Nguyên nhân về đội ngũ Luật sư

Sau khi Luật Luật sư năm 2006 và Luật Luật sư sửa đổi được ban hành và đi vào thực hiện đã tạo điều kiện cho hoạt động Luật sư ngày một thuận lợi hơn. Hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội đã phát triển và lớn mạnh nhanh chóng; hiện đứng thứ hai trong cả nước về số lượng (trên 3000 Luật sư; thành phố Hồ Chí Minh trên 4000 Luật sư); cùng với sự tăng nhanh về số lượng thì về chất lượng cũng được củng cố và hiện Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội vẫn là Đoàn dẫn đầu về số lượng “chất xám” (*Do đặc thù là Đoàn Luật sư Thủ đô có nhiều Cơ quan Trung ương, Bộ, ban, ngành đóng*) và hiệu quả công tác tranh tụng cũng như uy tín trong cả nước. Tuy

nhiên, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và đội ngũ các Luật sư Hà nội còn những hạn chế, khó khăn nhất định.

Những tồn tại, hạn chế

Một là: Số lượng Luật sư thành viên của Đoàn phát triển và tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng từ 250 – 350 Luật sư mới, nhưng chất lượng không đồng đều. Số Luật sư có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về tranh tụng hình sự và lĩnh vực thương mại quốc tế chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hội nhập của đất nước. Mặt khác, hoạt động của Luật sư còn nhỏ lẻ, manh mún; nhiều tổ chức hành nghề Luật sư chỉ có một hoặc hai người; do vậy, chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng chưa cao.

Hai là: Việc bồi dưỡng kỹ năng hành nghề cho Luật sư còn gặp nhiều khó khăn do qui trình bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho Luật sư chưa phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế. Hơn nữa, do nhiều Luật sư chưa thấy đây là trách nhiệm của chính bản thân và với cộng đồng xã hội nên ít quan tâm đến việc trau dồi kiến thức kinh nghiệm nghề nghiệp.

Mặt khác, Đoàn luật sư chưa nghiên cứu để có giải pháp quan tâm đến vị trí, vai trò của những “Người tập sự hành nghề Luật sư” để đảm bảo sự hài hòa giữa quyền lợi (tham gia tiếp xúc hỏi người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; tham dự phiên tòa ...v.v.) và nghĩa vụ của họ (nộp phí tương xứng với quyền lợi được hưởng) trong giai đoạn thực tập tại Đoàn, trước khi trở thành Luật sư chính thức.

Ba là: Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của các Cơ quan chức năng Nhà nước và của Đoàn Luật sư đối với các tổ chức hành nghề (TCHN) Luật sư cũng còn nhiều bất cập. Việc phối hợp và giữ mối liên hệ giữa các tổ chức hành nghề Luật sư và Đoàn Luật sư chưa cao; số lượng TCHN thực hiện việc báo cáo về hoạt động về Đoàn theo qui định chỉ đạt từ 40 đến 45%, dẫn đến việc tổng hợp, đánh giá tình hình chung không chính xác, việc Báo cáo lên lãnh đạo các cấp của Đoàn không được đầy đủ.

Một số tổ chức hành nghề Luật sư, Luật sư thành viên chuyển đổi địa điểm, chức năng hoạt động, nhưng không báo cáo về Đoàn cũng đã gây rất nhiều khó khăn cho việc đánh giá kết quả chung của Đoàn.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do: Về mặt quản lý Nhà nước, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội chỉ có quyền phối hợp với Sở Tư pháp Hà Nội

giám sát hoạt động của các TCHN mà không được quyền chủ động kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động của các TCHN Luật sư.

Bốn là: Một số ít Luật sư thành viên trong hành nghề còn vi phạm pháp luật, vi phạm các qui định trong “Bộ Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp Luật sư” của Liên Đoàn Luật sư Việt Nam ban hành; thiếu tinh thần trách nhiệm xây dựng chung; chưa có ý thức đóng góp nghĩa vụ xây dựng Đoàn theo qui định. Thực trạng trên, nguyên nhân một phần do nhận thức về vai trò trách nhiệm của số ít Luật sư; một phần do công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp của Đoàn Luật sư thành phố chưa đáp ứng và có hiệu quả thực sự với đội ngũ Luật sư của Đoàn, đặc biệt là đối với Đoàn Luật sư có số lượng Luật sư đông như Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Năm là: Sự phối hợp giữa các Cơ quan đơn vị, giữa các thành viên trong từng cơ quan, đơn vị của Đoàn Luật sư thành phố trong một số lĩnh vực công tác hiệu quả đạt được chưa cao. Do đặc thù nghề nghiệp, một số Luật sư đảm nhiệm công việc của Đoàn là kiêm nhiệm nên chưa bố trí giành thời gian cần thiết cho công việc được giao một cách thích hợp, nên hiệu quả còn hạn chế.

Sáu là: Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội còn rất khó khăn về trụ sở nơi làm việc, hiện đang phải thuê; nguồn kinh phí còn hạn hẹp; các hoạt động chuyên môn của Đoàn, như: Mở lớp bồi dưỡng, Hội thảo chuyên đề, Hội nghị tổng kết .. đều phải thuê Hội trường nên vừa tốn kém mà hiệu quả không cao.

Bảy là: Trong hoạt động nghề nghiệp hầu hết các Luật sư thường bị các Cơ quan tiến hành tố tụng cản trở, gây khó khăn, đặc biệt là trong việc tham gia hoạt động bào chữa các vụ án hình sự.

Kết luận chương 2

Quá trình nghiên cứu về thực tiễn hoạt động của Luật sư trong tố tụng hình sự Việt Nam tại thành phố Hà Nội trong 5 năm (2011 – 2015); tác giả đã bằng các số liệu sinh động đánh giá và phân tích tình hình thực tiễn việc tham gia các giai đoạn trong tố tụng hình sự Việt Nam tại thành phố Hà Nội của các Luật sư. Qua đó, làm rõ được những thuận lợi và khó khăn trong công tác bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can của các Luật sư; Đồng thời cũng đã làm rõ được các nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, hạn chế và bất cập – Là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao địa vị pháp lý của Luật sư trong tố tụng hình sự tại thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Để triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; chúng ta cần có những giải pháp nhằm nâng cao vị trí, vai trò, chức năng của Luật sư trong TTHS nói chung và trong hoạt động bào chữa nói riêng. Đồng thời, nâng cao hiệu quả của quá trình giải quyết các VAHS, đảm bảo các vụ án được giải quyết một cách nhanh chóng, đầy đủ, khách quan và công minh hơn. Tác giả đề tài xin đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao địa vị pháp lý của Luật sư với vai trò là “Người bào chữa” trong hoạt động TTHS – Nhất là trong giai đoạn Điều tra VAHS, đó là:

3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về sự tham gia của luật sư trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự

Thứ nhất: Cần có nội dung quy định bắt buộc đối với ĐTV việc phải thông báo cho Luật sư bằng văn bản về thời gian, địa điểm tiến hành hỏi cung bị can (Sau khi đã cấp Giấy chứng nhận người bào chữa), để Luật sư biết có thể xếp sắp lịch, bố trí thời gian tham dự. Văn bản ở đây có thể bằng cả thư điện tử (Tin nhắn, qua E-Mail ... được thống nhất trao đổi giữa hai bên).

Thứ hai: Tại Điều 58 – BL TTHS, khoản 2, điểm (a.) quy định: “Người bào chữa có quyền: Có mặt khi lấy lời khai người tạm giữ, hỏi cung bị can và nếu ĐTV đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động Điều tra khác. Xem các Biên bản hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng có liên quan đến người mà mình bào chữa”. Quy định như vậy là không phù hợp; như phân tích ở phần “Thực trạng” trên, vô hình chung dẫn đến tình trạng gần như không có “Cơ hội” để Luật sư được hỏi. Do đó, Tác giả xin đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau:

Trong buổi hỏi cung người bị tạm giữ, bị can của ĐTV mà có sự tham dự của Luật sư thì,

- Sau việc giải thích pháp luật của ĐTV đối với người bị tạm giữ, bị can về quyền và nghĩa vụ của họ theo Điều 48 (Người bị tạm giữ) hoặc Điều 49 (Bị can) – BLHS, yêu cầu họ xác định về nhận thức và chấp hành, thì Luật sư ngay sau đó cũng được quyền trao đổi với người bị tạm giữ, bị can về lý do sự có mặt của mình tại buổi làm việc và trong vụ việc; vai trò, quyền và nghĩa vụ của Luật sư trong việc bào chữa cho họ. Đồng thời, Luật sư được quyền giải thích, nói rõ thêm về mặt pháp luật và có thể lưu ý bị can về “Quyền im lặng” (Trả lời hoặc không trả lời) trước một, một số hoặc các câu hỏi của ĐTV (“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các Cơ quan tiến hành tố tụng”).

Để khắc phục tình trạng trên, Bộ luật TTHS mới cũng cần quy định rõ: ĐTV trong mỗi buổi hỏi cung, phải bố trí một lượng thời gian nhất định (Từ 15 đến 30 phút) để Luật sư được hỏi, làm việc với người bị tạm giữ, bị can; tránh tình trạng ĐTV hỏi cung buổi nào cũng thế, hết giờ vẫn chưa xong; hết buổi này sang buổi khác, luật sư không có cơ hội để hỏi.

Tham gia hỏi cung bị can cũng là hình thức Luật sư giám sát hoạt động tố tụng của ĐTV, do đó Luật sư cũng phải có quyền phản đối nếu như ĐTV có các biểu hiện sai phạm như: Bức, mớm, dụ cung, nhục hình ... yêu cầu ĐTV phải làm đúng các quy định của pháp luật.

Thứ ba: Việc gây khó khăn cho Luật sư của ĐTV là điều gần như tất yếu và không chỉ ở giai đoạn Điều tra mà còn ngay từ giai đoạn khởi tố bị can, ngay từ việc cấp “Giấy chứng nhận người bào chữa” với nhiều lý do, kiểu cách khác nhau ... mà từ trước đến nay chưa có một quy định nào, chế tài nào để điều chỉnh, xử lý hành vi này. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung vào Bộ luật TTHS nội dung quy định trách nhiệm pháp lý của ĐTV có những hành vi gây khó khăn, cản trở Luật sư tham gia trong giai đoạn Điều tra vụ án hình sự.

Thứ tư: Cần có những quy định rõ ràng và cụ thể hơn để đảm bảo thực thi quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cũng như quyền được tham gia bào chữa của Luật sư. Đây là vấn đề bất cập và nổi cộm nhất trong giai đoạn hiện nay; vì các Cơ quan tiến hành tố tụng thường gây khó dễ cho Luật sư và người bị tạm giữ, bị can (Trừ trường hợp bị can khởi tố tại ngoại).

Mặc dù pháp luật đã có qui định: Ngay sau khi bị khởi tố bị can và có “Lệnh bắt bị can để tạm giam” thì tại Biên bản bắt người, ĐTV đã phải hỏi bị can có cần sự giúp đỡ của Luật sư không; hoặc trong biên bản hỏi cung đầu tiên (Ngay sau khi thực hiện Lệnh bắt) ĐTV cũng phải hỏi rõ nội dung trên. Nếu bị can có yêu cầu Luật sư thì ĐTV phải có trách nhiệm đáp ứng theo qui định của BL TTHS và theo qui định của TT số 70/2010-BCA. Và, ngoài việc cấp “Giấy chứng nhận ...” Cơ quan Điều tra còn có trách nhiệm cung cấp cho Luật sư các “Thủ tục tố tụng ban đầu có liên quan đến bị can, người bị tạm giữ”.

Tuy nhiên, việc yêu cầu có Luật sư trong giai đoạn này theo qui định của Bộ luật TTHS và Thông tư gần như là một điều không tưởng. Bởi vì: Giữa Luật sư và người bị tạm giữ, bị can lúc đó ở một khoảng cách xa “Vô định” do Cơ quan Điều tra tạo ra. Bị can muốn bày tỏ có yêu cầu Luật sư thì cũng “Chờ đấy”; Luật sư muốn gặp bị can để hoàn tất thủ tục “Yêu cầu có Luật sư” thì cũng đề “phải hỏi xem bị can có đồng ý không”? Cứ như vậy và còn muôn ngàn lý do khác; đến khi có được “Giấy chứng nhận người bào chữa” ít cũng 5 đến 7 ngày, chậm thì 10 ngày (Vụ ở Khoái Châu – Hưng yên- 2014), 15 ngày (Vụ Lưu Thị Thoa ở Nam Từ Liêm, Hà Nội- tháng 10/2016).

Thứ năm: Một trong thủ tục để làm căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận người bào chữa đó là “được sự đồng ý, chấp thuận của người bị tạm giữ, bị can”. Bộ luật TTHS năm 2015 đã có chỉnh sửa, bổ sung với nội dung: việc yêu cầu có Luật sư để bào chữa, ngoài bị can thì có thể là người thân trong gia đình yêu cầu? Có hai vấn đề đặt ra đặt ra cần bổ sung và qui định cụ thể hơn, đó là:

- “Người thân” trong gia đình là gồm những ai? Nên qui định gồm: Bố, mẹ (Kể cả bố, mẹ nuôi) vợ, chồng, con (Kể cả con nuôi).

- Khi đã có giấy yêu cầu của những người trên thì Cơ quan Điều tra xem xét để cấp giấy chứng nhận người bào chữa, không phải làm động tác “Hỏi ý kiến có hay không chấp thuận của người bị tạm giữ, bị can” như trước đây và ngay hiện nay đang áp dụng.

Cần có những biện pháp hạn chế việc bức cung, dụ cung, ép cung, mớm cung, dùng nhục hình ... trong quá trình hỏi cung của ĐTV. Có nhiều biện pháp đã được triển khai ở một số nơi, như: Qui định lắp camera trong phòng hỏi cung; các cuộc hỏi

cung người bị tạm giữ, bị can ... đều phải có Luật sư (Trừ trường hợp người bị tạm giữ, bị can từ chối trực tiếp tại buổi làm việc).

Thứ sáu: Cần phải ghi nhận quyền im lặng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cho đến khi họ có Luật sư bào chữa. Như vậy, quyền của người bị tạm giữ, bị can trong việc “Trình bày lời khai” theo qui định tại điểm c, khoản 2, Điều 48 và điểm c, khoản 2, Điều 49 BL TTHS sẽ được thực thi hơn; tránh được các hình thức bức cung, dụ cung, mớm cung, dùng nhục hình dẫn đến án oan, sai.

Thứ bảy: Cần phải qui định cụ thể quyền yêu cầu cũng như lựa chọn, thay đổi người bào chữa đối với những người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình (điểm a, khoản 2, Điều 57 – BL TTHS năm 2003) hoặc bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tinh thần hoặc thể chất (điểm b, khoản 2, Điều 57 – BL TTHS năm 2003). Được như vậy quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo sẽ được tôn trọng và nâng lên một bước cao hơn.

3.2. Hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và nâng cao năng lực các Luật sư thành viên

3.2.1. Đối với Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, các tổ chức Luật sư và các Luật sư thành viên

Tăng cường đội ngũ Luật sư cả về số lượng và chất lượng, không ngừng nâng cao đạo đức, ứng xử hành nghề Luật sư là một đòi hỏi tất yếu và cấp thiết trong tình hình hiện nay. Hành nghề Luật sư ngoài thượng tôn pháp luật phải tuân thủ Quy tắc Đạo đức ứng xử nghề nghiệp Luật sư. Luật sư hành nghề không nên chỉ quan tâm đến thù lao của khách hàng và những lợi ích vật chất tinh thần khác, mà cần quan tâm đến những yếu tố phi vật chất, phi dịch vụ trong hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo; thực hiện bào chữa theo chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng; bào chữa theo phân công của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước cho các đối tượng chính sách, người khuyết tật, người có công với Cách mạng ... Luật sư phải công tâm trong hoạt động nghề nghiệp; không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho thân chủ mà còn phải bảo vệ sự công minh của pháp luật, bảo vệ chế độ, bảo vệ đất nước. Trong xu thế hội nhập quốc tế, bên cạnh việc tăng nhanh về số lượng thì cũng đồng thời đòi hỏi nâng cao hơn nữa về chất lượng của đội ngũ Luật sư, góp phần đáp ứng yêu cầu trong

tình hình mới, góp phần bảo vệ công lý và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Thực hiện chủ trương này, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 về: Phê duyệt đề án “Phát triển đội ngũ Luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến 2020” với Mục tiêu tổng quát là:

- Xây dựng đội ngũ Luật sư giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu luật pháp và tập quán thương mại quốc tế, thông thạo tiếng Anh, thành thạo về kỹ năng hành nghề Luật sư quốc tế, có đủ khả năng tư vấn các vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong xã hội, trong đó có các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân một số tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế của Nhà nước.

- Xây dựng các tổ chức hành nghề Luật sư chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài, có khả năng cạnh tranh với các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài”.

Trong phần 2.3 (Mục tiêu cụ thể) quyết định của Thủ tướng ghi:

“Tập trung nâng cao năng lực đào tạo trong nước đối với Luật sư theo các chương trình chuẩn quốc tế và khu vực; phần đầu đến năm 2011, đưa vào hoạt động Trung tâm đào tạo Luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế liên kết với nước ngoài; đến năm 2020, các Trung tâm này đủ năng lực để mở rộng đào tạo Luật sư đạt tiêu chuẩn quốc tế cho một số nước trong khu vực”.

Như vậy, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Đoàn Luật sư là tổ chức có chức năng quản lý, giám sát các tổ chức hành nghề và các cá nhân Luật sư trong Đoàn của mình theo qui định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, cần có kế hoạch thực hiện tốt công tác giám sát kiểm tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ theo Quy tắc Đạo đức ứng xử nghề nghiệp Luật sư; các Điều lệ, Nội qui của Đoàn Luật sư; kịp thời phát hiện nhắc nhở, uốn nắn các biểu hiện sai phạm hoặc vi phạm nhỏ; có biện pháp xử lý nghiêm minh khi Luật sư có vi phạm đến Quy tắc Đạo đức ứng xử nghề nghiệp Luật sư. Mặt khác, tham gia tích cực trong việc tham gia ý kiến đóng góp, xây dựng pháp luật; thực hiện các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ

giúp pháp lý, bào chữa ... miễn phí cho các đối tượng chính sách, đồng bào vùng sâu, vùng xa ...

Đối với lĩnh vực tranh tụng, Luật sư tham gia lĩnh vực này cần phải có nhận thức và đổi mới tư duy về “Quyền con người”. Do vậy, việc tham gia tranh tụng trong vụ án hình sự sẽ không phụ thuộc vào Kết luận Điều tra hay Bản Cáo trạng do Viện KS buộc tội và đề nghị truy tố ... mà Luật sư phải tư duy theo hướng “Đi tìm đến tận cùng sự thật khách quan của vụ án” cho người mình bào chữa, bảo vệ theo nguyên tắc “Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật qui định để góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án”.

Một số giải pháp

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới Đoàn Luật sư TP Hà Nội đề ra một số giải pháp sau:

- Đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư; đảm bảo thực hiện đúng có chế “Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tăng cường đoàn kết, phối hợp để hỗ trợ cho nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý và hoạt động hành nghề Luật sư.

- Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị 33/CT-TW ngày 30/03/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Luật sư”; Chỉ thị của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về “Tăng cường công tác quản lý hành nghề của Luật sư” ... Đoàn luật sư thành phố Hà Nội cần thường xuyên thực hiện và cần làm tốt công tác giám sát; động viên, khen thưởng. Kịp thời nhắc nhở đối với những tổ chức HNLS không thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo; giữ nghiêm kỷ luật đối với các Luật sư vi phạm pháp luật, vi phạm “Bộ qui tắc Đạo đức ứng xử và Nghề nghiệp Luật sư”.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng chính trị tư tưởng cho các Luật sư thành viên; tổ chức các đợt tập huấn về “Bộ qui tắc Đạo đức ứng xử và nghề nghiệp Luật sư”; các khóa tập huấn chuyên đề nhằm nâng cao trình độ, kỹ thuật nghiệp vụ cho các Luật sư thành viên.

- Nâng cao vai trò hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ Luật sư của Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Đổi mới công tác tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội

thảo chuyên đề; khuyến khích và tạo Điều kiện thuận lợi để các Luật sư tự giác học tập để không ngừng nâng cao trình độ khoa học, chuyên môn nghiệp vụ Luật sư, thực hiện đầy đủ việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Luật sư theo qui định tại Thông tư số 10/TT-BTP ngày 04/07/2014 của Bộ Tư pháp.

- Thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm để học tập, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong Đoàn. Thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho người tập sự HNLS; nghiên cứu để có thể cấp “Thẻ Luật sư tập sự” cho những người tập sự hành nghề Luật sư để họ có đủ tư cách Điều kiện tham gia các hoạt động tố tụng (được cùng dự hỏi cung bị can, người bị tạm giữ; tham dự phiên tòa hình sự ...) cùng Luật sư chính ... nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ Luật sư trẻ, tạo lòng tin cho khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của Luật sư Thủ đô.. Đồng thời, khắc phục tình trạng khiếu nại, khiếu kiện gia tăng như hiện nay.

- Tăng cường các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi Luật sư và tìm biện pháp hỗ trợ cho các tổ chức HNLS, các Luật sư thành viên gặp khó khăn, trở ngại trong quá trình hành nghề; làm tốt công tác chính sách Luật sư, thăm hỏi kịp thời những Luật sư ốm đau, bệnh tật hoặc có hoàn cảnh khó khăn; phát huy và làm tốt hơn nữa việc thăm hỏi, phúng viếng đối với Luật sư và thân nhân của Luật sư qua đời.

- Tăng cường quan hệ với các Cơ quan tiến hành tố tụng để xây dựng qui chế phối hợp, mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, hiệu quả trên cơ sở hiểu biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng lẫn nhau giữa lãnh đạo Đoàn Luật sư với lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng để kịp thời phản ánh những thông tin liên quan đến việc hạn chế quyền, thậm chí cản trở hoạt động của Luật sư của các Cơ quan tiến hành tố tụng.

Một số kiến nghị

Để thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội cần có những kiến nghị sau

- Đề nghị có sự thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống để các Cơ quan tiến hành tố tụng triển khai thực hiện nghiêm các qui định của Bộ luật TTHS và Thông tư 70/TT-BCA của Bộ Công an ... tạo Điều kiện để Luật sư hoạt động hành nghề, tham gia tố tụng đúng theo qui định, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật và thực hiện

tốt công cuộc cải cách tư pháp. Các buổi giao ban trong lĩnh vực tư pháp cần có đại diện Đoàn luật sư để kịp thời nắm bắt và phản ánh các tình hình có liên quan để triển khai thực hiện.

- Đề nghị UBND thành phố Hà Nội nghiên cứu tạo Điều kiện để hỗ trợ cho Đoàn Luật sư về tài chính từ nguồn ngân sách để Đoàn Luật sư có Điều kiện thuận lợi, có chất lượng cao trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đoàn như: Tuyên truyền phổ biến pháp luật, hoạt động trợ giúp pháp lý miễn phí và phân công, cử Luật sư tham gia tranh tụng tại các phiên tòa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng

3.3. Các giải pháp liên quan đến cơ quan Điều tra hình sự và các cán bộ, Điều tra viên làm công tác điều tra hình sự

3.3.1. Đối với Cơ quan Điều tra hình sự và các Điều tra viên (ĐTV)

Hoạt động tố tụng hình sự là quá trình hoạt động của Cơ quan tiến hành tố tụng – Trong đó và trước tiên là giai đoạn Điều tra vụ án hình sự do các Điều tra viên của Cơ quan Điều tra tiến hành. Tính chất và kết quả công tác Điều tra phụ thuộc rất nhiều vào năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức ... của những người thực hiện, tham gia. Trong thực tế, có một bộ phận Điều tra viên và các cán bộ làm công tác Điều tra còn có phần hạn chế ở một số mặt so với yêu cầu.

Nhận thức vấn đề đó, trong những năm qua các Cơ quan chức năng cũng đã có nhiều cố gắng, biện pháp để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ Điều tra viên và các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy làm công tác Điều tra ở Cấp Trung ương cho tới các địa phương trên toàn quốc và có những tiến bộ, kết quả đáng kể, đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém trước đây; từng bước củng cố và góp phần vào việc đảm bảo hoạt động của công tác Điều tra chuyên sâu, hiệu quả; phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vụ việc, hành vi phạm tội, giữ vững An ninh chính trị - Trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Các mặt hạn chế còn bộc lộ những bất cập trên một số lĩnh vực tiềm tàng, còn ẩn chứa những yếu kém và tiêu cực, có thể coi đó là những nguy hại cho cả lập pháp, tư pháp và hành pháp của nước ta. Thực tế trong nhiều năm qua cho thấy: mặc dù đã đúc kết, nghiên cứu, bổ sung, chỉnh sửa nhiều lần nhưng công tác tư pháp cũng như Bộ luật TTHS vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ tư pháp,

bổ trợ tư pháp còn thiếu, trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu; thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt; giam giữ; truy tố; xét xử ... mà trước tiên và bao giờ cũng bắt đầu từ công tác điều tra ... của Cơ quan Điều tra. Thực trạng đó đã và đang gây ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của quần chúng nhân dân đối với đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Để khắc phục, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng trên cần phải có một bước kiện toàn lại một số khâu trong hoạt động tố tụng hình sự và trước hết, khâu quan trọng nhất đó vẫn là kiện toàn về nhận thức và nâng cao một bước về trình độ và phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác này.

Nâng cao trách nhiệm của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc đảm bảo và tôn trọng quyền tham gia tố tụng của Luật sư. Cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng phải xác định vai trò, địa vị pháp lý của Luật sư tham gia tố tụng là qui định của pháp luật và phải tuân thủ. Cụ thể:

Thứ nhất: Cơ quan Điều tra và các ĐTV cần phải nghiêm chỉnh chấp hành các qui định của pháp luật về TTHS và các Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành; trong đó có qui định về chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan Điều tra (Thông tư số 70/2010-BCA) trong việc đảm bảo cho Luật sư được hoạt động nghề nghiệp một cách bình thường và thuận lợi.

Thứ hai: Phải làm thay đổi cơ bản về nhận thức của Cơ quanĐT và các ĐTV trong việc: Luật sư tham gia bào chữa trong vụ án hình sự là nhân tố thúc đẩy việc giải quyết vụ án một cách nhanh chóng, công minh, khách quan, đúng pháp luật; đảm bảo sự công bằng, dân chủ hơn; giúp Cơ quan Điều tra, ĐTV hoàn thiện hơn. Vì vậy, Cơ quanĐT và các ĐTV cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để Luật sư thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong hoạt động bào chữa.

Thứ ba: Cần có thái độ tôn trọng đúng mức các hoạt động của Luật sư trong tham gia các giai đoạn tố tụng. Trường hợp phát hiện Luật sư có sai phạm hoặc vi phạm pháp luật cần có biện pháp phối hợp kịp thời với phía Luật sư để xử lý.

Từ đổi mới về nhận thức, những người tiến hành tố tụng – trong đó có các Điều tra viên phải thường xuyên tự trau dồi cho mình những kiến thức về chuyên môn,

ng nghiệp vụ một cách vững vàng; nắm chắc các nội dung văn bản pháp luật, đặc biệt là Pháp luật chuyên ngành để từ đó, nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Mặt khác, các Cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm thực tế cho các cán bộ trong ngành; xây dựng một đội ngũ cán bộ thực sự “Giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật” biết vận dụng tốt các kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp của Đảng ta.

3.4. Các giải pháp khác

3.4.1. Giải pháp tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân

Qua phân tích ở phần Chương 2: “Thực trạng hoạt động của Luật sư trong giai đoạn Điều tra VAHS từ thực tiễn thành phố Hà Nội” cho thấy: Việc tham gia bào chữa của luật sư cho người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn khởi tố là rất thấp (Thường chỉ chiếm bình quân từ 1,5 đến 3,6%). Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Đó là:

- Khả năng nhận thức về Pháp luật nói chung của những người thực hiện hành vi phạm tội là rất thấp; hầu hết khi bị tạm giữ, bị bắt ... họ không biết được hoặc chỉ biết không cụ thể về quyền được yêu cầu có Luật sư bào chữa ngay từ giai đoạn này nên họ đã không yêu cầu hoặc cho rằng có cũng được, không có cũng được.

- Cũng có một số người biết được quyền được có Luật sư từ giai đoạn bị tạm giữ nhưng họ không có điều kiện, không biết làm thế nào để liên hệ được với Luật sư hoặc với người nhà để thông qua đó yêu cầu có Luật sư bào chữa. Trong khi BL TTHS quy định trách nhiệm của ĐTV phải thông báo và đặt câu hỏi về nội dung này ngay tại Biên bản bắt giữ và ngay từ Biên bản hỏi cung bị can đầu tiên; nhưng vì một lý do nào đó mà quyền này của họ luôn luôn bị chậm trễ nếu như không muốn nói là như bị lãng quên một cách cố ý.

- Một số trường hợp hiểu biết và chủ động muốn đề nghị có Luật sư bào chữa nhưng đã bị tuyên truyền với các nội dung như: Không nên thuê Luật sư; thuê Luật sư tốn tiền mà không giải quyết vấn đề gì, lại còn gây ức chế cho ĐTV và như thế sẽ dẫn đến càng nhiều bất lợi hơn ...

- Một số tường hợp người nhà của người bị tạm giữ, bị can lại cho rằng: Giai đoạn khởi tố và điều tra hình sự chưa thật sự cần có Luật sư, chờ đến khi hồ sơ được hoàn tất chuyển sang Tòa án mới thuê cũng không muộn, như thế sẽ đỡ tốn tiền hơn.

Chính vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về TTHS cho quần chúng nhân dân để mọi người nhận thức được đúng đắn quy định của Hiến pháp năm 2013 về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là một trong nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân. Đây là một nguyên tắc Hiến định được ghi nhận tại Hiến pháp và thể hiện ở tất cả các văn bản pháp luật của Việt nam; điều đó thể hiện bản chất ưu việt, tốt đẹp của chế độ ta. Bởi lẽ, không ai bị coi là có tội khi chưa có sự phán quyết của Tòa án bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bởi lẽ, tất cả những người bị bắt, bị tạm giữ, bị truy tố , xét xử ... đều có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người jhacs bào chữa.

Quyền bào chữa theo quy định của pháp luật của các chủ thể nêu trên không thể được tôn trọng và đảm bảo nếu như những người dân không nhận thức đúng được nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Vì vậy, Giải pháp tuyên truyền, nâng cao kiến thức, nhận thức, ý thức pháp luật cho người dân là một nhiệm vụ hết sức có ý nghĩa và quan trọng đối với chúng ta.

3.4.2.. Giải pháp kinh tế

- Đối với việc Luật sư thực hiện các vụ án “Chỉ định” hoặc các vụ án theo sự “Phân công”:

Một trong số những nguyên nhân khiến cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các Luật sư trong TTHS còn nhiều khó khăn tồn đọng – Đó là vấn đề kinh tế. Như phân tích ở phân trên, đối với các vụ án hình sự chỉ định hoặc các vụ án theo sự phân công của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố, thường chất lượng tranh tụng, bào chữa tại phiên tòa không cao; do các nguyên nhân như: Thời gian nhận vụ việc, hồ sơ quá ngắn; việc nghiên cứu không được hệ thống từ đầu hoặc thiếu sự hợp tác của bị can, người nhà trong các hoạt động tìm chứng cứ, tài liệu cho việc phản biện ... Nhưng có một lý do có lẽ hết sức quan trọng không thể không nói đến, đó là thù lao cho Luật sư trong các vụ này không hợp lý.

- Đối với các hoạt động “Tuyên truyền pháp luật”; “Trợ giúp pháp lý miễn phí” cho các hộ nghèo, đối tượng chính sách; đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là một trong những “Nhiệm vụ chính trị quan trọng” của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội và của mỗi Luật sư thành viên. Trong những năm qua, các Luật sư của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội đã thực hiện nhiệm vụ này ở hầu khắp từ các tỉnh phía Bắc vào đến miền Trung, như Hà Giang, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, Cao Bằng, Sơn La, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng ... Quảng Bình, Quảng Trị ...v.v... Ngoài việc mang các kiến thức pháp luật đến với đồng bào, các Luật sư còn có các hoạt động thiện nguyện, như: Tặng sách, vở, giấy, bút .. phần thưởng cho các học sinh nghèo, vượt khó; tặng quần áo ấm, chăn, màn, một số đồ dùng thiết yếu cho các hộ nghèo trong dịp cuối năm, bão lụt, thiên tai

Điều đáng nói là: Hầu hết kinh phí thực hiện các hoạt động này mỗi năm tới vài trăm triệu đồng không từ nguồn ngân sách Nhà nước hoặc Thành phố cấp mà đều do các Luật sư đóng góp theo phong trào vận động, hiệu triệu của Đảng bộ hoặc của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.

Theo qui định thì: Luật sư thuộc lĩnh vực tổ chức xã hội nghề nghiệp; hoạt động mang tính chất tự trang trải về tài chính, các khoản thu thông qua Hợp đồng Dịch vụ pháp lý; do đó có những khó khăn nhất định do không được hưởng kinh phí từ một nguồn Ngân sách nào như các ngành nghề khác.

Chính vì vậy, để chất lượng hoạt động dịch vụ của Luật sư nói chung, trong việc thực hiện bào chữa tại các vụ án hình sự chỉ định hoặc phân công Nhà nước cần nghiên cứu để có giải pháp nâng cao mức thù lao chi cho hoạt động của Luật sư khi tham gia án chỉ định – Nhất là án trợ giúp pháp lý theo qui định của pháp luật.

3.4.3.. Giải pháp vận dụng chế tài “Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”

Cùng với Bộ luật TTHS thường xuyên được bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp qua các thời kỳ, - Luật Luật sư và sự hoạt động của Luật sư tham gia các giai đoạn TTHS đã góp phần vào việc giải quyết các vụ án hình sự một cách nhanh chóng, khách quan, công minh ... hạn chế đến mức thấp nhất các vụ án dẫn đến oan, sai ... được dư luận đánh giá là bước biến chuyển tích cực trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền

XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam, nhắm tới mục tiêu một xã hội “Công bằng – Dân chủ - Văn minh”.

Tuy nhiên trong những năm qua, hoạt động TTTHS của các Cơ quan chức năng vẫn còn xảy ra các vụ án oan, sai trong cả khâu khởi tố, điều tra đến khâu truy tố, xét xử ... thậm chí có những vụ đã gây oan, sai nghiêm trọng mà bắt đầu, nguyên nhân là từ khâu Điều tra (Như vụ Nguyễn Thanh Chấn, vụ Huỳnh Văn Nén, Hàn Đức Long ...) gây hậu quả hết sức nặng nề về niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; sự thiệt hại không chỉ là về mặt tinh thần mà còn cả bằng vật chất để chi phí, bồi thường khắc phục hậu quả.

Ngày 18/06/2009, tại kỳ họp Quốc hội 12 đã ra quyết định số 35/2009/QH12 về “Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”, có hiệu lực từ 01/01/2010.

“Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” qui định: Cá nhân, cơ quan, tổ chức gây ra hậu quả (Oan, sai) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc bồi thường do hành vi làm oan sai gây nên. Đây chính là “Giới hạn đỏ” để mỗi các nhân thừa hành, thực thi nhiệm vụ ở các Cơ quan tiến hành tố tụng phải cân nhắc và dè chừng cho mỗi quyết định của mình để tránh các hành vi quan liêu, thiếu trách nhiệm dẫn đến hậu quả oan, sai ...

Chỉ có thể đạt được mục tiêu hạn chế đến mức thấp nhất việc oan, sai khi những người thực thi pháp luật mà bắt đầu là từ khâu Điều tra, nêu cao trách nhiệm, công tâm, thượng tôn pháp luật. Nhưng cũng không thể không buộc trách nhiệm về vật chất của họ, nhất là những người có trách nhiệm (ĐTV, lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quyết định vấn đề ...) khi gây ra hoặc để xảy ra hậu quả oan, sai.

Theo số liệu từ Bộ Tư pháp, trong 5 năm thực hiện, đã có 204/ 258 vụ đã được xem xét và giải quyết bồi thường với số tiền là 111 tỷ đồng. Tuy nhiên, qua việc thực hiện Luật này cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần sớm được Điều chỉnh cho phù hợp. Trong đó, ngoài việc phải bổ sung, chỉnh sửa về qui trình, thủ tục giấy tờ ..v.v. .. cần qui định chặt chẽ, tăng mức hoàn trả và qui định cụ thể để tăng cường trách nhiệm người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật, gây ra hậu quả nhằm đảm bảo mức răn đe; nhưng cũng không được tác động tiêu cực đến hoạt động công vụ.

Trên đây là một số giải pháp của tác giả đề tài về nâng cao vai trò, địa vị pháp lý của luật sư trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Hy vọng với các giải pháp này, trong thời gian tới, vai trò của Luật sư qua thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự ở thành phố Hà Nội nói riêng và trong cả nước sẽ được tăng cường và từng bước được nâng cao hơn nữa.

Kết luận chương 3

Trong chương này, trên cơ sở các nguyên nhân dẫn đến tồn tại và những khó khăn, vướng mắc của Luật sư trong quá trình tham gia bào chữa ở giai đoạn tố tụng hình sự tại thành phố Hà Nội; tác giả đã đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao vai trò, chức năng, địa vị pháp lý của Luật sư trong thời gian tới. Bao gồm các giải pháp về hoàn thiện các quy định của pháp luật; hoàn thiện tổ chức hoạt động của Đoàn Luật sư và cá nhân các Luật sư; các giải pháp liên quan đến Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và người tiến hành tố tụng hình sự; Các giải pháp khác (bao gồm giải pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, giải pháp kinh tế và giải pháp áp dụng chế tài “Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước”).

KẾT LUẬN

Như vậy, vai trò và địa vị pháp lý của Luật sư trong việc tham gia giải quyết quyết các VAHS là rất quan trọng và cần thiết. Luật sư trong tổ tụng hình sự không những là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mà còn giúp các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết các VAHS được khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hơn; góp phần quan trọng vào mục tiêu của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng, Nhà nước đặt ra nhằm xây dựng Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển ở nước ta hiện nay; bên cạnh các yếu tố tích cực mang lại, vẫn còn tồn đọng và ẩn chứa tiềm tàng những yếu tố tiêu cực. Hành vi vi phạm pháp luật vẫn có xu hướng ngày một gia tăng cả về số vụ và tính chất... Do đó, nhu cầu cần được hỗ trợ về mặt pháp lý của các tầng lớp xã hội theo đó tăng lên. Vai trò của Luật sư ở nhiều lĩnh vực cũng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết.

Chính vì vậy mà việc nâng cao hơn nữa vai trò, địa vị pháp lý của người bào chữa nói chung, Luật sư nói riêng, trong tố tụng hình sự là một nhu cầu bức thiết. Từ đó cũng đòi hỏi sự nhìn nhận và quan tâm đúng mức hơn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với bản thân Luật sư cũng cần nâng cao hơn nữa ý thức nghề nghiệp, ý thức pháp luật, ý thức xã hội để đáp ứng yêu cầu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt ra.

Qua công tác nghiên cứu về thực tiễn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Luật sư với vai trò là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội; tác giả đã tập trung làm rõ được:

- Các khái niệm cơ bản về Luật sư, nghề Luật sư, vai trò Luật sư. Luật sư có vị trí quan trọng như thế nào khi tham gia vào từng giai đoạn cụ thể trong tố tụng hình sự ở Việt Nam; địa vị pháp lý của Luật sư đã được pháp luật quy định bao gồm những quyền và nghĩa vụ như thế nào.

- Thông qua quá trình nghiên cứu về thực tiễn hoạt động của Luật sư trong tố tụng hình sự Việt Nam tại thành phố Hà Nội trong 5 năm (2011 – 2015), tác giả bằng các số liệu cụ thể và sinh động đã đánh giá và phân tích tình hình thực tiễn tham gia

các giai đoạn trong tố tụng hình sự hiện nay tại thành phố Hà Nội của các Luật sư. Từ đó, đã làm rõ được những thuận lợi, khó khăn và bất cập trong công tác bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo của các Luật sư; đồng thời cũng chỉ ra được các nguyên nhân dẫn đến những khó khăn hạn chế đó.

Trên cơ sở nguyên nhân dẫn đến tồn tại và những khó khăn vướng mắc của Luật sư qua quá trình tham gia bào chữa trong tố tụng hình sự ở Việt Nam tại thành phố Hà Nội; tác giả đã đưa ra một số giải pháp cụ thể về hoàn thiện các quy định của pháp luật; hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư và cá nhân các Luật sư; các giải pháp liên quan đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và người tiến hành tố tụng hình sự; các giải pháp khác (bao gồm: Giải pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân; Giải pháp kinh tế và Giải pháp áp dụng “Chế tài Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước”...) nhằm nâng cao địa vị pháp lý của Luật sư trong quá trình tác nghiệp đối với các vụ án hình sự tại thành phố Hà Nội nói riêng, đồng thời qua đây cũng góp một phần công sức nào đó tạo nên tiếng nói chung trong sự nghiệp bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa ở nước ta trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên) (2003), *Bình luận khoa học bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.
2. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận bộ luật tố tụng Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Phan Trung Hoài, Bàn về khái niệm và đặc điểm nghề luật sư, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, Số 7/2002.
4. TS. Phan Trung Hoài (2005), *Vấn đề hoàn thiện pháp luật về Luật sư ở Việt Nam*, Tái bản lần thứ nhất có bổ sung, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
5. TS. Phan Trung Hoàn (2007), *Hành nghề luật sư trong vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp Hà Nội.
6. PGS.TSKH. Trần Đình Nhã (2011), *Tổng quan về vị trí tố tụng, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, mối quan hệ giữa VKS và cơ quan điều tra trong TTHS Việt Nam thực trạng và xu hướng hoàn thiện (*)*.
7. PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), “*Những hạn chế trong việc thực hiện quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*”. *Tạp chí Luật học* số 10
8. Phan Hữu Thư, Vai trò của Luật sư trong việc đảm bảo dân chủ, khách quan trong hoạt động tố tụng, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 8/2005, tr.28
9. TS. Trần Quang Tiệp (2003), *lịch sử luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. PGS.TS. Phạm Văn Tĩnh, *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2007.
11. TS. Nguyễn Văn Tuấn, “*Vai trò của Luật sư trong tố tụng hình sự*”, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội 2001.
12. Đào Trí Úc (chủ biên) và những người nghiên cứu khác (1995), “*Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. GS.TSKH. Đào Trí Úc (2011), *Tổng quan về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện (*)*.

14. Phùng Thế Vắc (1999), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. GS.TS Võ Khánh Vinh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn (2011), *Thủ tục xét xử phúc thẩm trong TTHS Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện* ¹.
17. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2012*.
18. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
19. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa-Nxb Tư pháp.
20. Bộ Công an (2001), *Thông tư số 70/2011/TT-BCA ngày 10/10/2011 quy định các chi tiết thi hành các quy định của BLTTHS liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*.
21. Bộ Công an và quy chế phối hợp giữa Viện KSNDTC và Liên đoàn luật sư Việt Nam.
22. Công an thành phố Hà Nội, báo cáo tình hình và kết quả công tác đảm bảo ANTT năm 2011 đến 2015.
23. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động từ 2011-2015 của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội*.
24. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động 2015 của Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội*.
25. Hán – Việt từ điển của Học giả Đào Duy Anh do Trường Thi xuất bản 1957.
26. Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980,1992,2013) Nhà XB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Học viện Tư pháp (2011), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

28. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2013), *Tài liệu đánh giá 1 năm thực hiện Thông tư 70/2011/TT-BCA ngày 01/10/2011*.
29. Nghị định Chính phủ số 89/NĐ-CP ngày 07/11/1998 Ban hành qui chế về tạm giữ, tạm giam.
30. Quốc hội (2006), *Luật Luật sư* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư*.
32. Quốc hội (1987), *Pháp lệnh tổ chức Luật sư*, Nxb Pháp lý. Hà Nội.
33. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
34. Quốc hội 1999, *Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
35. Quốc hội 1999, *Bộ luật hình sự năm 1999* được sửa đổi bổ sung năm 2009, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội 1988, *Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 1998*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2001.
37. Quốc hội 2003, *Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2004.
38. Sách Tiếng nói nômina của Lê Gia, dẫn giải 30.000 từ Tiếng Việt thường dùng có liên quan đến từ Hán – Việt do Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1999.
39. Số chuyên đề về so sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới – Nguồn : Thông tin khoa học kiểm sát số 3 + 4 năm 2008.
40. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo tổng kết từ năm 2001 đến năm 2005
41. Từ điển luật học do Nxb Từ điển Bách khoa xuất bản năm 1999
42. Từ điển Tiếng Việt Nxb Đà Nẵng năm 2001
43. Ủy ban thường vụ quốc hội (2001), *pháp lệnh luật sư năm 2001*, Hà Nội
44. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1999), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội
45. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Báo cáo tổng kết 5 năm từ 2001 – 2005.

46. Link:

https://vi.wiktionary.org/wiki/ho%E1%BA%A1t_%C4%91%E1%BB%99ng#Ti.E1.BA.BFng_Vi.E1.BB.87t

47. Link:

<http://liendoanluatsu.org.vn/web/phat-huy-vai-tro-cua-luat-su-trong-giai-doan-dieu-tra-vu-an-hinh-su-773.html>